

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**



ISO 9001-2008

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

NGÀNH: KẾ TOÁN - KIỂM TOÁN

Sinh viên : Vũ Hải Chúc

Người hướng dẫn : ThS. Nguyễn Thị Mai Linh

HẢI PHÒNG - 2014

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

**HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ
VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY
CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI HẢI VIỆT**

**KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY
NGÀNH: KẾ TOÁN - KIỂM TOÁN**

Sinh viên : Vũ Hải Chúc

Người hướng dẫn : ThS. Nguyễn Thị Mai Linh

HẢI PHÒNG - 2014

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Sinh viên: Vũ Hải Chúc

Mã SV: 1012401113

Lớp: QT1405K

Ngành: Kế toán - Kiểm toán

Tên đề tài: Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả
kinh doanh tại Công ty Cổ phần Thương mại Hải Việt

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI

1. Nội dung và các yêu cầu cần giải quyết trong nhiệm vụ đề tài tốt nghiệp (*về lý luận, thực tiễn, các số liệu...*).

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

2. Các tài liệu, số liệu cần thiết:.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

3. Địa điểm thực tập tốt nghiệp.

.....

.....

.....

CÁN BỘ HƯỚNG DẪN ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Người hướng dẫn thứ nhất:

Họ và tên:.....

Học hàm, học vị:.....

Cơ quan công tác:.....

Nội dung hướng dẫn:.....

.....

.....

.....

Người hướng dẫn thứ hai:

Họ và tên:.....

Học hàm, học vị:.....

Cơ quan công tác:.....

Nội dung hướng dẫn:.....

.....

.....

.....

Đề tài tốt nghiệp được giao ngày tháng năm 2014

Yêu cầu phải hoàn thành xong trước ngày tháng năm 2014

Đã nhận nhiệm vụ ĐTTN

Sinh viên

Đã giao nhiệm vụ ĐTTN

Người hướng dẫn

Hải Phòng, ngày tháng năm 2014

HIỆU TRƯỞNG

GS.TS.NGƯT *Trần Hữu Nghị*

MỤC LỤC

LỜI MỞ ĐẦU	1
CHƯƠNG 1: LÝ LUẬN CHUNG VỀ CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP VỪA VÀ NHỎ	2
1.1 NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP VỪA VÀ NHỎ.....	2
1.1.1 Sự cần thiết phải tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp vừa và nhỏ	2
1.1.2 Nhiệm vụ của công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp vừa và nhỏ	3
1.1.3 Các khái niệm cơ bản về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp vừa và nhỏ	3
1.1.3.1 Doanh thu	3
1.1.3.2 Chi phí	6
1.1.3.3 Xác định kết quả kinh doanh.....	7
1.2 NỘI DUNG TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP VỪA VÀ NHỎ	9
1.2.1 Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, các khoản giảm trừ doanh thu	9
1.2.1.1 Chứng từ sử dụng	9
1.2.1.2 Tài khoản sử dụng	9
1.2.1.3 Phương pháp hạch toán	11
1.2.2 Kế toán giá vốn hàng bán.....	12
1.2.2.1 Chứng từ sử dụng	12
1.2.2.2 Tài khoản sử dụng	12
1.2.2.3 Phương pháp hạch toán	14
1.2.3 Kế toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính.....	16
1.2.3.1 Chứng từ sử dụng	16
1.2.3.2 Tài khoản sử dụng	16

1.2.3.3 Phương pháp hạch toán	18
1.2.4 Kế toán chi phí quản lý kinh doanh	20
1.2.4.1 Chứng từ sử dụng	20
1.2.4.2 Tài khoản sử dụng	20
1.2.4.3 Phương pháp hạch toán	20
1.2.5 Kế toán thụ nhập khác & chi phí khác	21
1.2.5.1 Chứng từ sử dụng	21
1.2.5.2 Tài khoản sử dụng	22
1.2.5.3 Phương pháp hạch toán	22
1.2.6 Kế toán xác định kết quả kinh doanh	24
1.2.6.1 Chứng từ sử dụng	24
1.2.6.2 Tài khoản sử dụng	24
1.2.6.3 Phương pháp hạch toán	24
1.3 TỔ CHỨC VẬN DỤNG HỆ THỐNG SỔ SÁCH KẾ TOÁN VÀO CÔNG TÁC KẾ TOÁN XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP VỪA VÀ NHỎ	25
1.3.1 Hình thức kế toán nhật ký chung	26
1.3.2 Hình thức kế toán nhật ký- sổ cái.....	27
1.3.3 Hình thức kế toán chứng từ ghi sổ	29
1.3.4 Hình thức kế toán nhật ký- chứng từ.....	31
1.3.5 Hình thức kế toán trên máy vi tính.....	32
CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI HẢI VIỆT.....	35
2.1 KHÁI QUÁT CHUNG VỀ CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI HẢI VIỆT	35
2.1.1 Quá trình hình thành và phát triển	35
2.1.2 Cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý.....	38
2.1.3 Tổ chức công tác kế toán tại Công ty cổ phần thương mại Hải Việt.....	39
2.1.3.1 Tổ chức bộ máy kế toán tại Công ty	39
2.1.3.2 Các chính sách và phương pháp kế toán áp dụng tại công ty	41
2.1.3.3 Tổ chức hệ thống chứng từ và TK kế toán.....	41

2.1.3.4	Tổ chức hệ thống sổ kế toán	41
2.1.3.5	Tổ chức hệ thống báo cáo Tài chính	42
2.2	THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI HẢI VIỆT	43
2.2.1	Kế toán doanh thu bán hàng.....	43
2.2.1.1	Nội dung doanh thu bán hàng tại công ty	43
2.2.1.2	Chứng từ sử dụng	43
2.2.1.3	Tài khoản sử dụng	43
2.2.1.4	Quy trình hạch toán.....	44
2.2.1.4	Ví dụ minh họa:.....	45
2.2.2	Kế toán giá vốn hàng bán.....	52
2.2.2.1	Nội dung giá vốn hàng bán	52
2.2.2.1	Chứng từ sử dụng	52
2.2.2.2	Tài khoản sử dụng	52
2.2.2.3	Quy trình hạch toán.....	52
2.2.2.4	Ví dụ minh họa.....	53
2.2.3	Kế toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính.....	60
2.2.3.1	Nội dung doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính	60
2.2.3.2	Chứng từ sử dụng	60
2.2.3.4	Tài khoản sử dụng.....	60
2.2.3.5	Quy trình hạch toán.....	61
2.2.4	Kế toán chi phí quản lý kinh doanh	65
2.2.4.1	Nội dung chi phí quản lý kinh doanh.....	65
2.2.4.2	Chứng từ sử dụng	65
2.2.4.3	Tài khoản sử dụng.....	65
2.2.4.4	Quy trình hạch toán.....	65
2.2.4.4	Ví dụ minh họa:.....	66
2.2.5	Kế toán thu nhập khác và chi phí khác	71
2.2.5.1	Nội dung thu nhập khác và chi phí khác.....	71
2.2.6	Kế toán xác định kết quả kinh doanh.....	71
2.2.6.1	Nội dung xác định kết quả kinh doanh	71
2.2.6.2	Chứng từ sử dụng.....	71

2.2.6.3 Tài khoản sử dụng	71
2.2.6.3 Quy trình hạch toán	71
CHƯƠNG 3: MỘT SỐ GIẢI PHÁP NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI HẢI VIỆT	80
3.1 ĐÁNH GIÁ CHUNG VỀ CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI HẢI VIỆT	80
3.1.1 Ưu điểm.....	80
3.1.2. Một số mặt còn hạn chế trong công tác kế toán doanh thu, chi phí và doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty	82
3.2 MỘT SỐ ĐỀ XUẤT NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI HẢI VIỆT	83
3.2.1. Tầm quan trọng của việc hoàn thiện những hạn chế trong công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả hoạt động kinh doanh tại công ty.....	83
3.2.2. Ý nghĩa của việc hoàn thiện những hạn chế trong công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả hoạt động kinh doanh.....	84
3.2.3. Nguyên tắc và điều kiện tiến hành hoàn thiện những hạn chế trong công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.....	84
3.2.4. Một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.	84
3.2.4.1 Hiện đại hoá công tác kế toán	85
3.2.4.2 Hoàn thiện hệ thống sổ sách kế toán chi tiết tại Công ty.....	90
3.2.4.3 Hoàn thiện việc trích lập dự phòng phải thu khó đòi.	98
3.2.4.4: Về một số giải pháp khác.....	102
KẾT LUẬN	104
TÀI LIỆU THAM KHẢO	105

LỜI MỞ ĐẦU

Công ty cổ phần thương mại Hải Việt là nhà phân phối dầu ăn Tường An hàng đầu Hải Phòng. Vì xã hội ngày càng hiện đại và phát triển, đô thị hóa nông thôn ngày một gia tăng, dầu ăn Tường An đã trở thành mặt hàng không thể thiếu trong mọi gia đình. Chính vì thế mà công ty đã không ngừng phát triển và mở rộng thị trường. Hiện công ty là nhà phân phối cho hơn 500 đại lý cả nội thành và ngoại thành Hải Phòng.

Hiện nay kế toán là công cụ quan trọng phục vụ cho việc quản lý nền kinh tế cả về mặt vi mô và vĩ mô. Qua thời gian thực tập tại Công ty cổ phần thương mại Hải Việt em đặc biệt quan tâm đến quá trình tiêu thụ hàng hóa, xác định và phân phối kết quả kinh doanh của công ty nên em chọn phần hành “ Hoàn thiện tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần thương mại Hải Việt” cho khóa luận tốt nghiệp của mình

Ngoài phần mở đầu và kết luận

Bài viết gồm ba chương :

*** Chương 1 : Lý luận chung về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp vừa và nhỏ**

*** Chương 2 :Thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần thương mại Hải Việt**

*** Chương 3 :Một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần thương mại Hải Việt**

Mặc dù đã cố gắng tìm hiểu và nhận được sự giúp đỡ nhiệt tình của ban Giám đốc, các cán bộ và nhân viên phòng kế toán cùng với sự chỉ bảo của cô giáo – **Ths. Nguyễn Thị Mai Linh**, em đã nắm bắt được phần nào tình hình thực tế công tác kế toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ Phần Thương Mại Hải Việt. Tuy nhiên do trình độ lý luận và thời gian tiếp cận thực tế còn hạn chế nên bài khóa luận của em không tránh khỏi những thiếu sót. Em rất mong nhận được sự đóng góp ý kiến của các thầy cô giáo, các bạn để bài viết của em được hoàn thiện hơn

Em xin chân thành cảm ơn!

CHƯƠNG 1

LÝ LUẬN CHUNG VỀ CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP VỪA VÀ NHỎ

1.1 NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP VỪA VÀ NHỎ

1.1.1 Sự cần thiết phải tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp vừa và nhỏ

Doanh thu của doanh nghiệp có ý nghĩa rất lớn đối với toàn bộ hoạt động của doanh nghiệp. Trước hết, doanh thu là nguồn tài chính quan trọng để đảm bảo trang trải các khoản chi phí hoạt động kinh doanh, đảm bảo cho doanh nghiệp có thể tái sản xuất đơn, cũng như tái sản xuất mở rộng, là nguồn để các doanh nghiệp có thể thực hiện các nghĩa vụ đối với đất nước, tham gia liên doanh, liên kết với các doanh nghiệp trong cũng như là ngoài nước....

Đồng thời các doanh nghiệp luôn quan tâm đến việc quản lý chi phí, bởi vì nếu chi phí không hợp lý, không đúng với bản chất của nó, đều gây ra nhưng khó khăn trong quản lý và có thể làm giảm lợi nhuận của doanh nghiệp. Vì vậy, vấn đề quan trọng đặt ra cho các nhà quản lý là phải kiểm soát được chi phí của doanh nghiệp từ đó đưa ra các quyết định chi tiêu một cách hợp lý cho hiệu quả cao.

Dựa trên doanh thu đạt được và chi phí bỏ ra, doanh nghiệp phản ánh đúng đắn kết quả kinh doanh, có như vậy doanh nghiệp mới biết được tình hình sản xuất kinh doanh trong kỳ của mình và biết được xu hướng phát triển của doanh nghiệp. Mặt khác, việc xác định này còn là cơ sở để tiến hành hoạt động phân phối cho từng bộ phận của doanh nghiệp.

Kế toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh là cơ sở để đánh giá hiệu quả cuối cùng của quá trình kinh doanh trong một thời kỳ nhất định của doanh nghiệp, xác định nghĩa vụ của doanh nghiệp với nhà nước. Chính vì vậy, tổ chức công tác kế toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh với doanh nghiệp là

việc hết sức cần thiết giúp cho người quản lý nắm bắt được tình hình hoạt động và đẩy mạnh việc kinh doanh có hiệu quả của doanh nghiệp.

1.1.2 Nhiệm vụ của công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp vừa và nhỏ

Để đáp ứng tốt các yêu cầu quản lý về doanh thu, chi phí và xác định kết quả hoạt động kinh doanh kế toán cần thực hiện tốt các nhiệm vụ sau:

- Phản ánh và ghi chép đầy đủ, kịp thời, chính xác các khoản doanh thu, các khoản giảm trừ doanh thu và chi phí cho từng hoạt động trong doanh nghiệp. Đồng thời, theo dõi, đôn đốc, thu hồi các khoản nợ phải thu của khách hàng.
- Phản ánh và tính toán chính xác kết quả hoạt động, giám sát tình hình thực hiện nghĩa vụ đối với nhà nước và tình hình phân phối kết quả của các hoạt động.
- Cung cấp các thông tin kế toán cần thiết phục vụ cho việc lập báo cáo tài chính và định kỳ phân tích hoạt động kinh tế liên quan đến bán hàng, xác định và phân phối kết quả kinh doanh.

1.1.3 Các khái niệm cơ bản về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp vừa và nhỏ

1.1.3.1 Doanh thu

- **Khái niệm**

Doanh thu là tổng các lợi ích kinh tế mà doanh nghiệp thu được trong kỳ kế toán phát sinh từ các hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường của doanh nghiệp góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu.

- **Các loại doanh thu**

- ❖ *Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ*

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là toàn bộ số tiền thu được hoặc sẽ thu được từ các giao dịch và các nghiệp vụ kinh tế phát sinh doanh thu như bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ cho khách hàng bao gồm cả các khoản thu, phụ thu bên ngoài giá bán (công vận chuyển, chi phí lắp đặt,...) nếu có.

- Theo chuẩn mực kế toán số 14, doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thoả mãn 5 điều kiện sau:

- ✓ Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá cho người mua.
- ✓ Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hoá như người sở hữu hàng hoá hoặc quyền kiểm soát hàng hoá.
- ✓ Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- ✓ Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- ✓ Xác định được chi phí có liên quan đến giao dịch bán hàng.
- Thời điểm ghi nhận doanh thu bán hàng theo các phương thức bán hàng

Tiêu thụ theo phương thức trực tiếp: Theo phương thức này người bán giao hàng cho người mua tại kho, tại quầy, hoặc tại phân xưởng sản xuất. Khi người mua đã nhận đủ hàng và kí vào hoá đơn thì hàng chính thức được tiêu thụ, người bán có quyền ghi nhận doanh thu.

Tiêu thụ theo phương thức ký gửi đại lý: Thời điểm ghi nhận doanh thu là khi nhận được báo cáo bán hàng do đại lý gửi.

Tiêu thụ theo phương thức chuyển hàng: Thời điểm ghi nhận doanh thu là khi bên bán đã chuyển hàng tới địa điểm của bên mua và bên bán đã thu được tiền hàng hoặc đã được bên mua chấp nhận thanh toán.

Tiêu thụ theo phương thức trả chậm, trả góp: Theo tiêu thức này, doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là giá trả một lần ngay từ đầu không bao gồm lãi trả chậm, trả góp.

- Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của quá trình mua bán, cung cấp dịch vụ hàng hoá được xác định một cách đáng tin cậy. Kết quả đó được xác định khi thoả mãn cả 4 điều kiện sau:
 - ✓ Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
 - ✓ Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
 - ✓ Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập báo cáo tài chính
 - ✓ Xác định được chi phí phát sinh và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

❖ *Doanh thu bán hàng nội bộ*

Doanh thu bán hàng nội bộ là lợi ích kinh tế thu được từ hoạt động bán hàng hoá, sản phẩm, cung cấp dịch vụ nội bộ giữa các đơn vị trực thuộc trong cùng một công ty tính theo giá bán nội bộ.

❖ *Các khoản giảm trừ doanh thu*

Chiết khấu thương mại: là số tiền người mua được hưởng do mua hàng với số lượng lớn theo thoả thuận.

Giảm giá hàng bán: là số tiền giảm trừ cho bên mua trong trường hợp đặc biệt vì lý do hàng kém phẩm chất, sai quy cách hoặc lạc hậu thị hiếu.

Hàng bán bị trả lại: là giá trị của hàng hoá, sản phẩm bị khách hàng trả lại do người bán vi phạm các điều khoản trong hợp đồng.

Thuế GTGT phải nộp: (theo phương pháp trực tiếp) Thuế GTGT là một loại thuế gián thu, tính trên phần giá trị tăng thêm của hàng hoá, dịch vụ. Đối với doanh nghiệp tính thuế GTGT sẽ được xác định bằng tỉ lệ phần trăm GTGT tính trên doanh thu.

Thuế tiêu thụ đặc biệt: là loại thuế gián thu, thu ở một số sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế tiêu thụ đặc biệt.

Thuế xuất khẩu: là loại thuế gián thu đánh vào các mặt hàng được phép xuất khẩu.

❖ *Doanh thu hoạt động tài chính*

Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm các khoản doanh thu tiền gửi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các doanh thu hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp.

Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận khi thoả mãn đồng thời 2 điều kiện sau:

- ✓ Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó
- ✓ Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn

❖ *Thu nhập khác*

Theo chuẩn mực kế toán số 14, thu nhập khác là khoản thu góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu từ hoạt động hoạt động ngoài các hoạt động tạo ra doanh thu

1.1.3.2 Chi phí

- Khái niệm

Chi phí là tổng giá trị các khoản làm giảm lợi ích kinh tế trong kỳ kế toán dưới hình thức các khoản tiền chi ra, các khoản khấu trừ tài sản cố định hoặc phát sinh các khoản nợ dẫn đến làm giảm vốn chủ sở hữu, không bao gồm khoản phân phối cho cổ đông hoặc chủ sở hữu

- Các loại chi phí

❖ *Giá vốn hàng bán*: là giá trị thực tế xuất kho của sản phẩm hàng hoá (hoặc gồm cả chi phí mua hàng phân bổ cho hoá đơn đã bán ra trong kỳ đối với doanh nghiệp thương mại) hoặc giá thành thực tế, dịch vụ hoàn thành và đã được xác định tiêu thụ và các khoản chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh được tính vào giá vốn hàng bán để xác định kết quả kinh doanh trong kỳ

Căn cứ theo chuẩn mực kế toán 02- “ hàng tồn kho” có 4 phương pháp xác định giá vốn hàng bán.

Phương pháp bình quân gia quyền: giá trị của từng loại hàng tồn được tính theo giá trị trung bình của từng loại hàng tồn kho tương tự đầu kỳ và giá trị hàng tồn kho tương tự được mua hoặc sản xuất trong kỳ. Giá trị trung bình có thể được tính theo thời kỳ hoặc vào mỗi khi nhập một lô hàng về, phụ thuộc vào tình hình của mỗi doanh nghiệp.

Phương pháp nhập trước xuất trước (FIFO): áp dụng trên giả định là hàng tồn kho được mua trước hoặc sản xuất trước thì được xuất trước, và hàng tồn kho còn lại cuối kỳ là hàng tồn kho được mua hoặc sản xuất gần thời điểm cuối kỳ. Theo phương pháp này thì giá trị hàng xuất kho được tính theo giá của hàng nhập kho ở thời điểm cuối kỳ hoặc gần cuối kỳ.

Phương pháp nhập sau xuất trước (LIFO): áp dụng trên giả định là hàng tồn kho được mua sau hoặc sản xuất sau thì được xuất trước, và hàng tồn kho còn lại cuối kỳ là hàng được mua hoặc sản xuất trước đó. Theo phương pháp này thì giá trị hàng xuất kho được tính theo giá của lô hàng nhập sau hoặc gần sau cùng, giá trị của hàng tồn kho được tính theo giá của hàng nhập kho đầu kỳ hoặc gần đầu kỳ còn tồn kho.

Phương pháp tính theo giá đích danh: được áp dụng đối với doanh nghiệp có ít loại mặt hàng hoặc mặt hàng ổn định và nhận diện được.

❖ *Chi phí bán hàng:* là những chi phí chỉ ra trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành....

❖ *Chi phí quản lý doanh nghiệp:* là các khoản chi phí phục vụ cho quản lý chung tại doanh nghiệp, gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp, các khoản trích theo lương, chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao tài sản cố định dùng cho quản lý doanh nghiệp....

❖ *Chi phí hoạt động tài chính:* là toàn bộ chi phí phát sinh trong kỳ liên quan đến các hoạt động về vốn, hoạt động đầu tư tài chính: là toàn bộ chi phí phát sinh trong kỳ liên quan đến các hoạt động về vốn, hoạt động đầu tư tài chính và các nghiệp vụ mang tính chất tài chính trong doanh nghiệp, gồm chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, chi phí giao dịch bán chứng khoán, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn....

❖ *Chi phí khác:* là các khoản chi phí phát sinh do các sự kiện hay các nghiệp vụ riêng biệt với hoạt động thông thường của các doanh nghiệp.

❖ *Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp:* là loại thuế trực thu, thu trên kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh cuối cùng của doanh nghiệp. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm:

✓ Chi phí thuế TNDN hiện hành: là số thuế TNDN phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN hiện hành.

✓ Chi phí thuế TNDN hoãn lại: là số thuế TNDN sẽ phải nộp trong tương lai, phát sinh từ việc ghi nhận thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải trả trong năm và việc hoàn nhập tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được ghi nhận từ các năm trước.

1.1.3.3 Xác định kết quả kinh doanh

Kết quả kinh doanh là số tiền lãi hay lỗ từ các hoạt động của doanh nghiệp trong một kỳ nhất định. Đây là kết quả cuối cùng của hoạt động hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường và các hoạt động khác của doanh nghiệp.

Kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp bao gồm:

- *Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh*: là số chênh lệch giữa doanh thu thuần và trị giá vốn hàng bán, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp.

$$\begin{matrix} \text{Lợi nhuận} & & \text{Doanh} & & \text{Các khoản} & & \text{Giá vốn} & & \text{Chi phí} \\ \text{thuần từ} & & \text{thu bán} & & \text{giảm trừ} & & \text{hàng} & & \text{quản lý} \\ \text{hoạt động} & = & \text{hàng và} & - & \text{doanh thu} & - & \text{bán} & - & \text{kinh doanh} \\ \text{SXKD} & & \text{CCDV} & & & & & & \end{matrix}$$

- *Kết quả hoạt động tài chính*: là số chênh lệch giữa thu nhập của hoạt động tài chính với chi phí từ hoạt động tài chính.

$$\text{Lợi nhuận tài chính} = \text{Doanh thu hoạt động tài chính} - \text{Chi phí tài chính}$$

- *Kết quả hoạt động khác*: là số chênh lệch giữa các khoản thu nhập khác và các khoản chi phí khác

$$\text{Lợi nhuận hoạt động khác} = \text{Doanh thu khác} - \text{Chi phí khác}$$

- *Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế*: là tổng số lợi nhuận thuần từ HD SXKD, lợi nhuận tài chính và lợi nhuận khác

$$\text{Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế} = \text{Lợi nhuận từ hoạt động SXKD} + \text{Lợi nhuận từ HĐTC} + \text{Lợi nhuận khác}$$

- Thuế TNDN phải nộp: là loại thuế trực thu đánh vào lợi nhuận của các doanh nghiệp

$$\text{Thuế TNDN phải nộp} = \text{Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế} \times \text{Thuế suất thuế TNDN}$$

- *Lợi nhuận sau thuế TNDN*: là số lợi nhuận còn lại sau khi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp

$$\text{Lợi nhuận sau thuế TNDN} = \text{Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế} - \text{Thuế TNDN phải nộp}$$

1.2 NỘI DUNG TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP VỪA VÀ NHỎ

1.2.1 Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, các khoản giảm trừ doanh thu

1.2.1.1 Chứng từ sử dụng

- ✓ Hợp đồng kinh tế, đơn đặt hàng
- ✓ Hoá đơn GTGT, biên bản giao nhận
- ✓ Các chứng từ thanh toán: phiếu thu, giấy báo có
- ✓ Các chứng từ khác có liên quan

1.2.1.2 Tài khoản sử dụng

❖ *Tài khoản 511* – Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Tài khoản này dùng để phản ánh doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp trong một thời kỳ kế toán của hoạt động sản xuất kinh doanh từ các giao dịch và các nghiệp vụ sau:

- Bán hàng: Bán sản phẩm do doanh nghiệp sản xuất ra, bán hàng hóa mua vào và bán bất động sản đầu tư.
- Cung cấp dịch vụ: Thực hiện công việc đã được thỏa thuận theo hợp đồng trong một kỳ hoặc nhiều kỳ kế toán như dịch vụ vận tải, du lịch....
- Kết cấu

Bên nợ

- Số thuế tiêu thụ đặc biệt, hoặc thuế xuất khẩu phải nộp tính trên doanh thu bán hàng thực tế của sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã cung cấp cho khách hàng và đã được xác định là đã bán trong kỳ kế toán;
- Số thuế GTGT phải nộp của doanh nghiệp nộp thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp;
- Doanh thu hàng bán bị trả lại kết chuyển cuối kỳ;
- Khoản giảm giá hàng bán kết chuyển cuối kỳ;
- Khoản chiết khấu thương mại kết chuyển cuối kỳ;

- Kết chuyển doanh thu thuần vào Tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”.

Bên Có:

Doanh thu bán sản phẩm, hàng hoá, bất động sản đầu tư và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp thực hiện trong kỳ kế toán.

Tài khoản 511 không có số dư cuối kỳ.

• *Tài khoản 511- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, có 4 tài khoản cấp 2*

- Tài khoản 5111 - Doanh thu bán hàng hoá
- Tài khoản 5112 - Doanh thu bán các thành phẩm
- Tài khoản 5113 - Doanh thu cung cấp dịch vụ
- Tài khoản 5118 – Doanh thu hoạt động khác

❖ **Tài khoản 521:** Các khoản giảm trừ doanh thu

Tài khoản này dùng để phản ánh các khoản giảm doanh thu phát sinh trong quá trình thanh toán khi khách hàng mua hàng với số lượng lớn, hàng hóa bị khách hàng trả lại hoặc hàng bán được giảm giá.

- Kết cấu

Bên Nợ:

- Số chiết khấu thương mại đã chấp nhận thanh toán cho khách hàng.
- Doanh thu của hàng bán bị trả lại, đã trả lại tiền hàng cho người mua hoặc tính trừ vào khoản phải thu của khách hàng về số sản phẩm hàng hóa đã bán.
- Các khoản giảm giá hàng bán đã chấp thuận cho người mua hàng do hàng kém phẩm chất hoặc sai quy cách trong hợp đồng kinh tế.

Bên Có:

Cuối kỳ kế toán, kết chuyển toàn bộ số chiết khấu thương mại sang Tài khoản 511 “Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ” để xác định doanh thu thuần của kỳ báo cáo.

Tài khoản 521 - Chiết khấu thương mại, không có số dư cuối kỳ.

Cuối kỳ, kết chuyển chiết khấu thương mại sang TK 511 để xác định doanh thu thuần của kỳ báo cáo

- **Tài khoản 521** - Các khoản giảm trừ doanh thu, có 3 tài khoản cấp 2:
 - Tài khoản 5211 - Chiết khấu thương mại
 - Tài khoản 5212 - Hàng bán bị trả lại
 - Tài khoản 5213 - Giảm giá hàng bán

❖ **Tài khoản 333**: Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

- Kết cấu

Bên Nợ

- Số thuế GTGT đã được khấu trừ trong kỳ;
- Số thuế, phí, lệ phí và các khoản phải nộp, đã nộp vào Ngân sách Nhà nước;
- Số thuế được giảm trừ vào số thuế phải nộp;
- Số thuế GTGT của hàng bán bị trả lại, bị giảm giá.

Bên Có:

- Số thuế GTGT đầu ra và số thuế GTGT hàng nhập khẩu phải nộp;
- Số thuế, phí, lệ phí và các khoản khác phải nộp vào Ngân sách Nhà nước.
- Số dư bên Có: Số thuế, phí, lệ phí và các khoản khác còn phải nộp vào ngân sách Nhà nước.

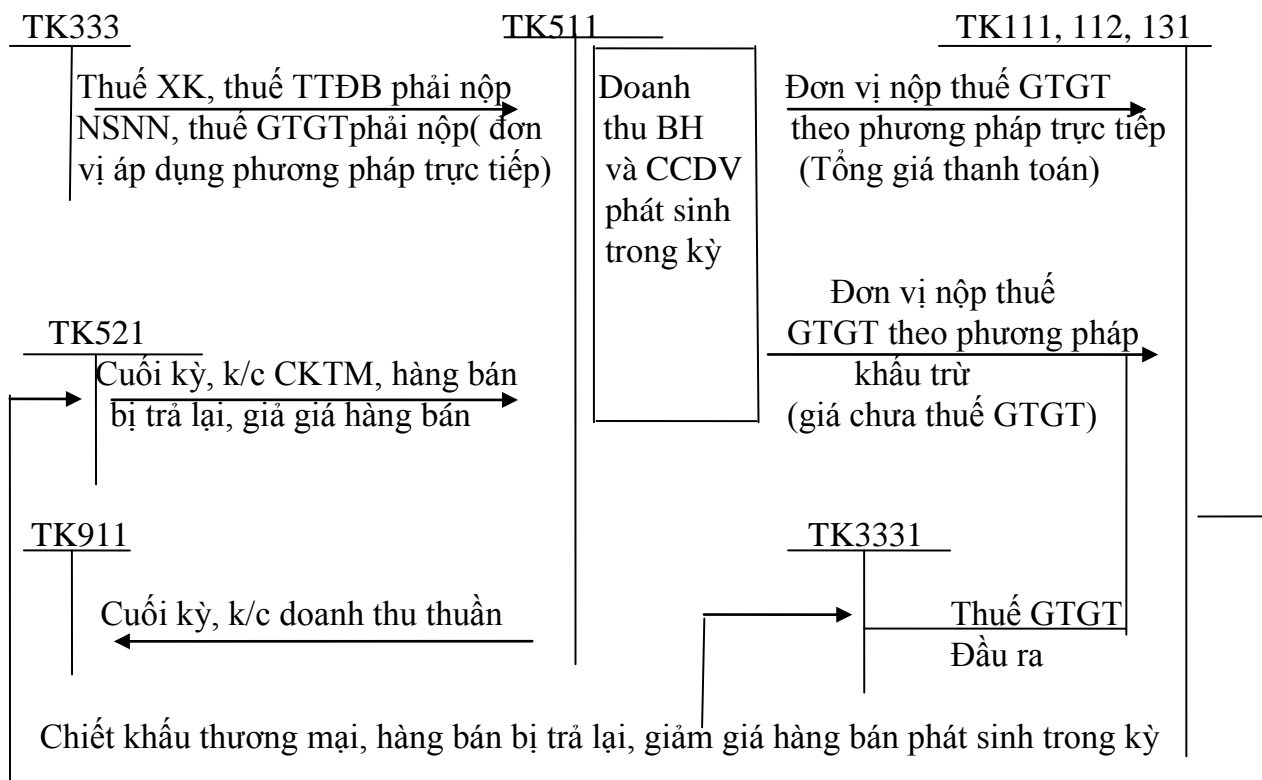
Trong trường hợp cá biệt, Tài khoản 333 có thể có số dư bên Nợ. Số dư Nợ (nếu có) của TK 333 phản ánh số thuế và các khoản đã nộp lớn hơn số thuế và các khoản phải nộp cho Nhà nước, hoặc có thể phản ánh số thuế đã nộp được xét miễn hoặc giảm cho thoái thu nhưng chưa thực hiện việc thoái thu.

- **Tài khoản 333** - Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước, có 9 tài khoản cấp 2, trong đó sử dụng 3 tài khoản cấp 2 sau để hạch toán các khoản giảm trừ doanh thu.
 - Tài khoản 3331 - Thuế giá trị gia tăng phải nộp
 - Tài khoản 3332 - Thuế tiêu thụ đặc biệt.
 - Tài khoản 3333 - Thuế xuất, nhập khẩu

1.2.1.3 Phương pháp hạch toán

Phương pháp hạch toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, doanh thu nội bộ và các khoản giảm trừ doanh thu được khái quát qua **sơ đồ 1.1** như sau.

Sơ đồ 1.1: Sơ đồ hạch toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, các khoản giảm trừ doanh thu



1.2.2 Kế toán giá vốn hàng bán

1.2.2.1 Chứng từ sử dụng

- ✓ Phiếu xuất kho
- ✓ Các chứng từ khác có liên quan: Phiếu chi, giấy báo nợ

1.2.2.2 Tài khoản sử dụng

❖ **Tài khoản 632:** Giá vốn hàng bán

Tài khoản này dùng để phản ánh trị giá vốn của hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư bán trong kỳ.

- Kết cấu

➤ **Trường hợp doanh nghiệp kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên:**

Bên Nợ:

Đối với hoạt động sản xuất, kinh doanh, phản ánh:

- + Trị giá vốn của sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã bán trong kỳ;

- + Chi phí nguyên vật liệu, chi phí nhân công vượt trên mức bình thường và chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ được tính vào giá vốn hàng bán trong kỳ;
- + Các khoản hao hụt, mất mát của hàng tồn kho sau khi trừ phần bồi thường do trách nhiệm cá nhân gây ra;
- + Chi phí xây dựng, tự chế TSCĐ vượt trên mức bình thường không được tính vào nguyên giá TSCĐ hữu hình tự xây dựng, tự chế hoàn thành;
- + Số trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho (Chênh lệch giữa số dự phòng giảm giá hàng tồn kho phải lập năm nay lớn hơn số dự phòng đã lập năm trước chưa sử dụng hết).

Bên Có:

- Kết chuyển giá vốn của sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã bán trong kỳ sang Tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”;
- Kết chuyển toàn bộ chi phí kinh doanh BĐS đầu tư phát sinh trong kỳ để xác định kết quả hoạt động kinh doanh;
- Khoản hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho cuối năm tài chính (Chênh lệch giữa số dự phòng phải lập năm nay nhỏ hơn số đã lập năm trước);
- Trị giá hàng bán bị trả lại nhập kho.

Tài khoản 632 không có số dư cuối kỳ.

➤ **Trường hợp doanh nghiệp kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ:**

Đối với doanh nghiệp kinh doanh thương mại:

Bên Nợ:

- Trị giá vốn của hàng hoá đã xuất bán trong kỳ;
- Số trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho (Chênh lệch giữa số dự phòng phải lập năm nay lớn hơn số đã lập năm trước chưa sử dụng hết).

Bên Có:

- Kết chuyển giá vốn của hàng hoá đã gửi bán nhưng chưa được xác định là tiêu thụ;
- Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho cuối năm tài chính (Chênh lệch giữa số dự phòng phải lập năm nay nhỏ hơn số đã lập năm trước);

- Kết chuyển giá vốn của hàng hoá đã xuất bán vào bên Nợ Tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”.

Đối với doanh nghiệp sản xuất và kinh doanh dịch vụ:

Bên Nợ:

- Trị giá vốn của thành phẩm tồn kho đầu kỳ;
- Số trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho (Chênh lệch giữa số dự phòng phải lập năm nay lớn hơn số đã lập năm trước chưa sử dụng hết).
- Trị giá vốn của thành phẩm sản xuất xong nhập kho và dịch vụ đã hoàn thành.

Bên Có:

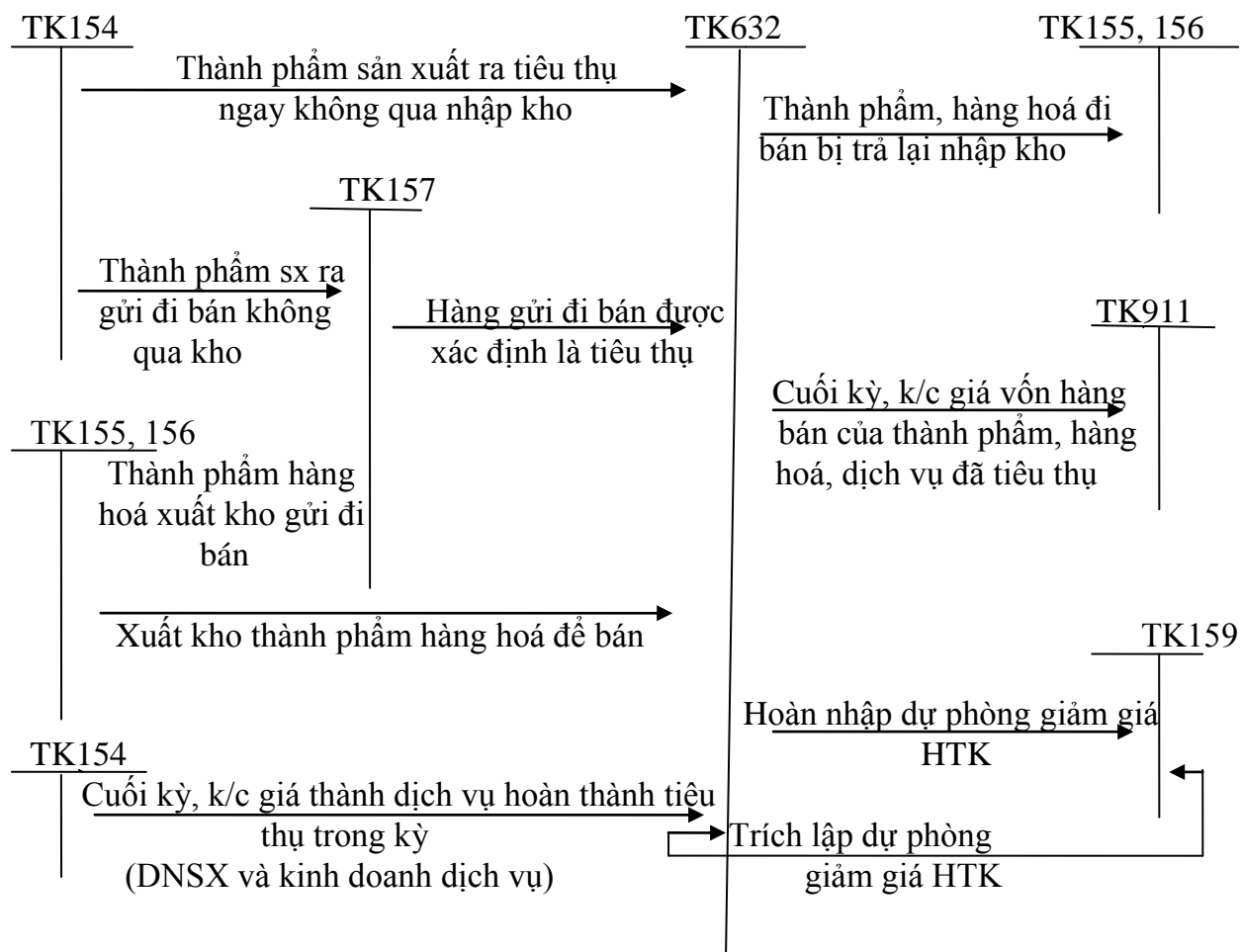
- Kết chuyển giá vốn của thành phẩm tồn kho cuối kỳ vào bên Nợ TK 155 “Thành phẩm”;
- Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho cuối năm tài chính (Chênh lệch giữa số dự phòng phải lập năm nay nhỏ hơn số đã lập dự phòng năm trước chưa sử dụng hết);
- Kết chuyển giá vốn của thành phẩm đã xuất bán, dịch vụ hoàn thành được xác định là đã bán trong kỳ vào bên Nợ TK 911 “Xác định kết quả kinh doanh”.

Tài khoản 632 không có số dư cuối kỳ.

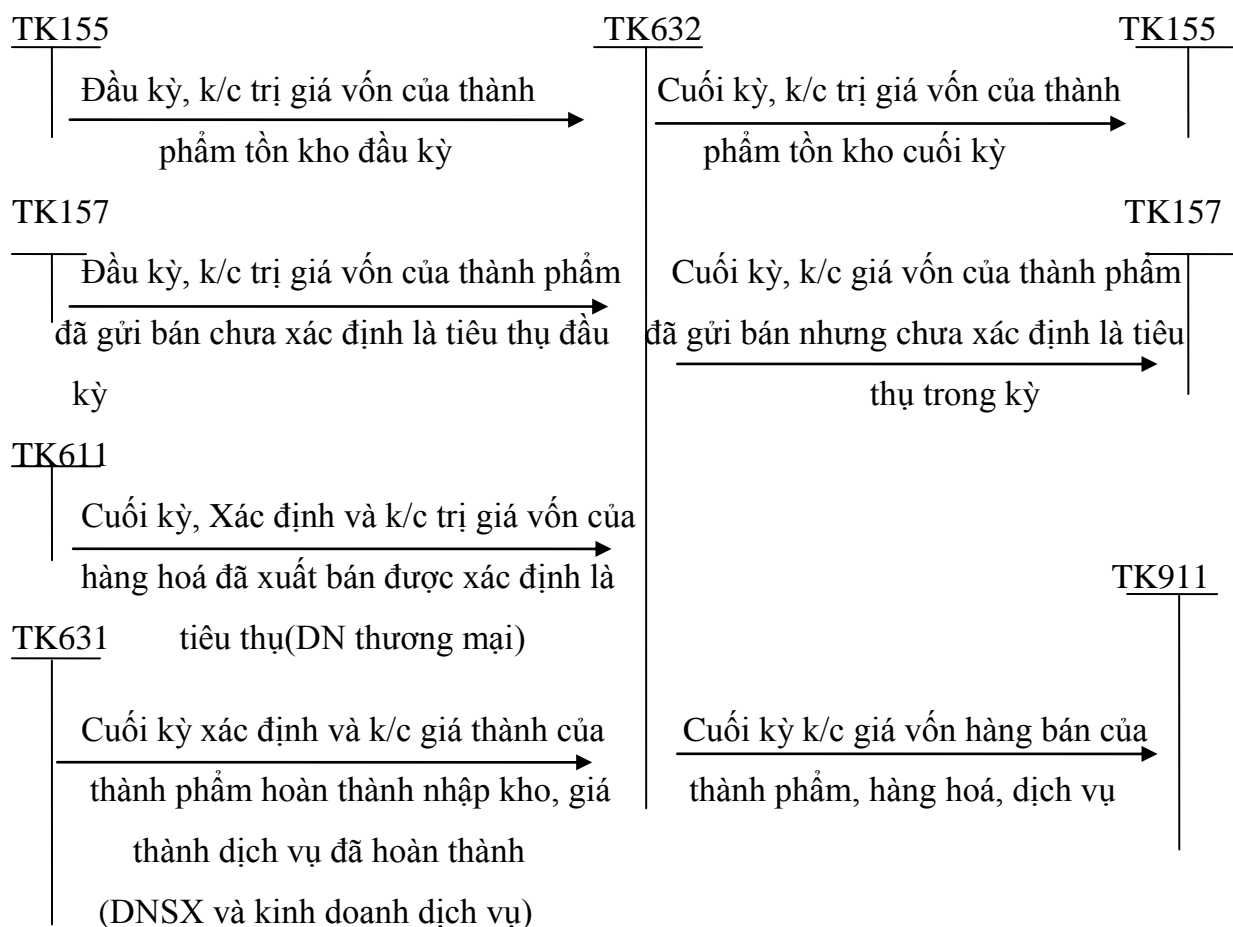
1.2.2.3 Phương pháp hạch toán

Phương pháp hạch toán giá vốn hàng bán theo hai phương pháp: phương pháp kê khai thường xuyên và phương pháp kiểm kê định kỳ được khái quát qua **hai sơ đồ 1.2 và sơ 1.3** như sau:

Sơ đồ 1.2: sơ đồ hạch toán giá vốn hàng bán theo phương pháp kê khai thường xuyên



Sơ đồ 1.3: sơ đồ hạch toán giá vốn hàng bán theo phương pháp kiểm kê định kỳ



1.2.3 Kế toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính

1.2.3.1 Chứng từ sử dụng

- ✓ Giấy báo có(giấy báo lãi)
- ✓ Phiếu chi, giấy báo nợ
- ✓ Bảng tổng hợp trả lãi tiền vay
- ✓ Cá chứng từ khác có liên quan

1.2.3.2 Tài khoản sử dụng

❖ **Tài khoản 515:** Doanh thu hoạt động tài chính

- Kết cấu

Bên Nợ:

- Số thuế GTGT phải nộp tính theo phương pháp trực tiếp (nếu có);
- Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính thuần sang Tài khoản 911 - “Xác định kết quả kinh doanh”

Bên Có:

- Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia;
- Lãi do nhượng bán các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết;
- Chiết khấu thanh toán được hưởng;
- Lãi tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ của hoạt động kinh doanh;
- Lãi tỷ giá hối đoái phát sinh khi bán ngoại tệ;
- Lãi tỷ giá hối đoái do đánh giá lại cuối năm tài chính các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ của hoạt động kinh doanh;
- Kết chuyển hoặc phân bổ lãi tỷ giá hối đoái của hoạt động đầu tư XDCB (giai đoạn trước hoạt động) đã hoàn thành đầu tư vào doanh thu hoạt động tài chính;
- Doanh thu hoạt động tài chính khác phát sinh trong kỳ.

Tài khoản 515 không có số dư cuối kỳ

❖ Tài khoản 635: chi phí tài chính

- Kết cấu

Bên Nợ:

- Chi phí lãi tiền vay, lãi mua hàng trả chậm, lãi thuê tài sản thuê tài chính;
- Lỗ bán ngoại tệ;
- Chiết khấu thanh toán cho người mua;
- Các khoản lỗ do thanh lý, nhượng bán các khoản đầu tư;
- Lỗ tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ của hoạt động kinh doanh (Lỗ tỷ giá hối đoái đã thực hiện);
- Lỗ tỷ giá hối đoái do đánh giá lại cuối năm tài chính các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ của hoạt động kinh doanh (Lỗ tỷ giá hối đoái chưa thực hiện);
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán (Chênh lệch giữa số dự phòng phải lập năm nay lớn hơn số dự phòng đã trích lập năm trước chưa sử dụng hết);
- Kết chuyển hoặc phân bổ chênh lệch tỷ giá hối đoái của hoạt động đầu tư XDCB (Lỗ tỷ giá - giai đoạn trước hoạt động) đã hoàn thành đầu tư vào chi phí tài chính;
- Các khoản chi phí của hoạt động đầu tư tài chính khác.

Bên Có:

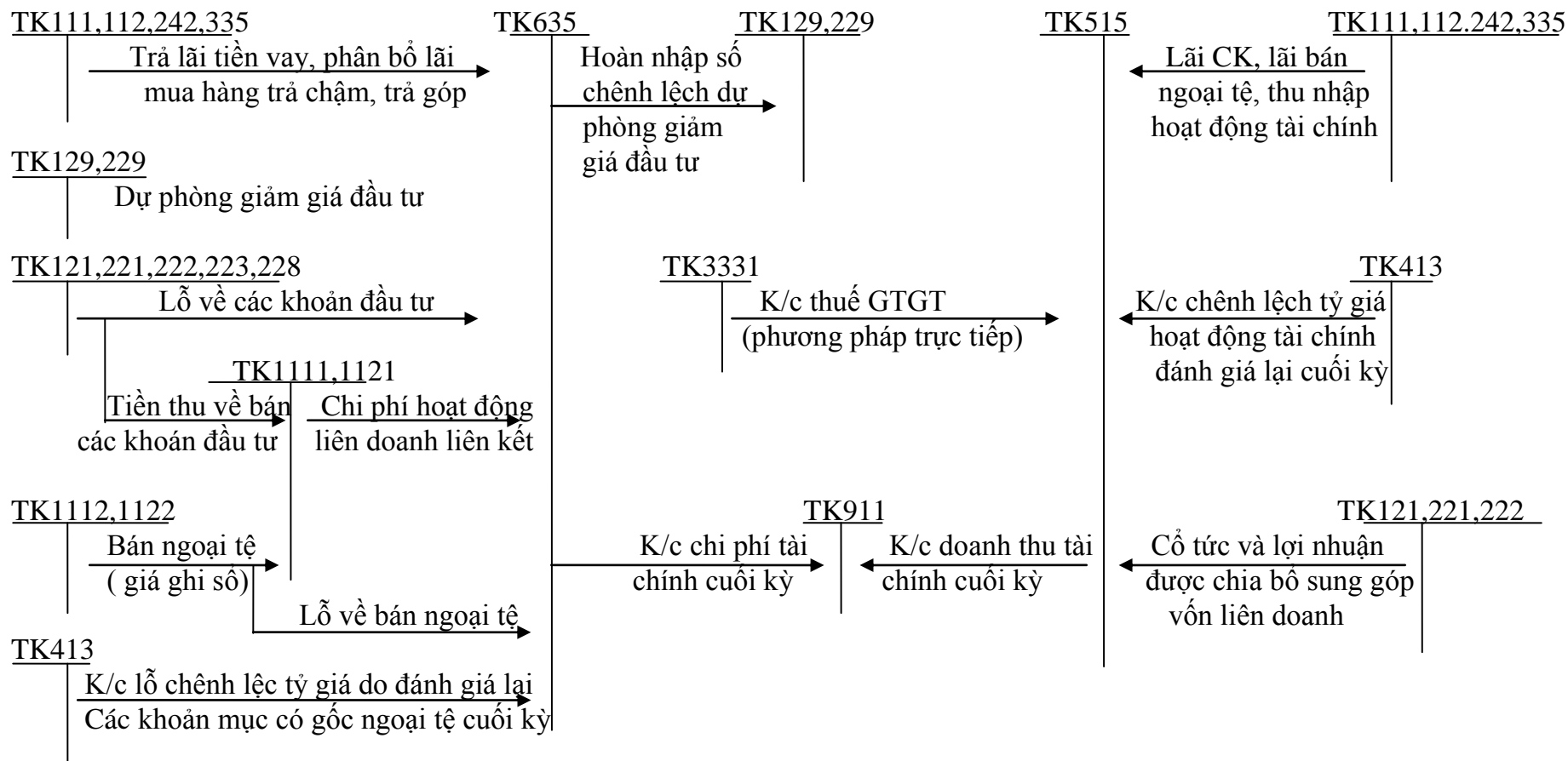
- Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán (Chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kỳ này nhỏ hơn số dự phòng đã trích lập năm trước chưa sử dụng hết);
- Cuối kỳ kế toán, kết chuyển toàn bộ chi phí tài chính phát sinh trong kỳ để xác định kết quả hoạt động kinh doanh.

Tài khoản 635 không có số dư cuối kỳ.

1.2.3.3 Phương pháp hạch toán

Phương pháp hạch toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính được khái quát qua **sơ đồ 1.4** như sau:

Sơ đồ 1.4: sơ đồ hạch toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính



1.2.4 Kế toán chi phí quản lý kinh doanh

1.2.4.1 Chứng từ sử dụng

- ✓ Hoá đơn GTGT. Giấy báo nợ, phiếu chi
- ✓ Bảng tính và phân bổ khấu hao TSCĐ
- ✓ Bảng phân bổ tiền lương và bảo hiểm xã hội
- ✓ Các chứng từ khác có liên quan

1.2.4.2 Tài khoản sử dụng

❖ **Tài khoản 642:** chi phí quản lý kinh doanh

- **Kết cấu**

Bên Nợ:

- Các chi phí quản lý kinh doanh thực tế phát sinh trong kỳ;
- Số dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả (Chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kỳ này lớn hơn số dự phòng đã lập kỳ trước chưa sử dụng hết);
- Dự phòng trợ cấp mất việc làm.

Bên Có:

- Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả (Chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kỳ này nhỏ hơn số dự phòng đã lập kỳ trước chưa sử dụng hết);
- Kết chuyển chi phí quản lý kinh doanh vào Tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”.

Tài khoản 642 không có số dư cuối kỳ.

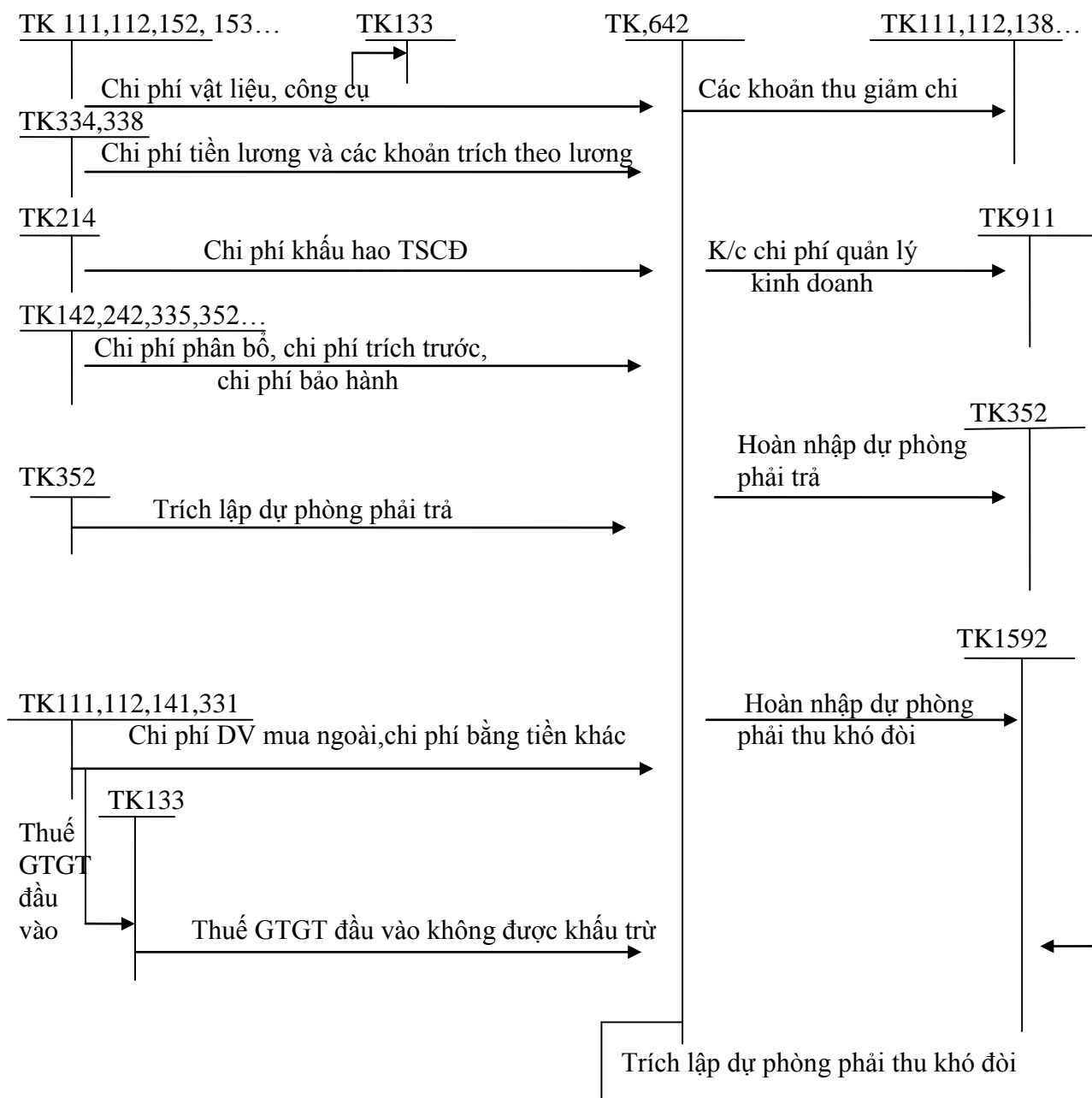
• **Tài khoản 642 - Chi phí quản lý doanh nghiệp, có 2 tài khoản cấp 2:**

- Tài khoản 6421 - Chi phí bán hàng
- Tài khoản 6422 - Chi phí quản lý doanh nghiệp

1.2.4.3 Phương pháp hạch toán

Phương pháp hạch toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp được khái quát qua sơ đồ 1.5 như sau:

Sơ đồ 1.5: sơ đồ hạch toán chi phí quản lý kinh doanh



1.2.5 Kế toán thụ nhập khác & chi phí khác

1.2.5.1 Chứng từ sử dụng

- ✓ Biên bản đánh giá tài sản
- ✓ Biên bản thanh lý nhượng bán TSCĐ
- ✓ Biên bản góp vốn liên doanh
- ✓ Phiếu thu, phiếu chi

1.2.5.2 Tài khoản sử dụng

❖ *Tài khoản 711*: thu nhập khác

- Kết cấu

Bên Nợ:

- Số thuế GTGT phải nộp (nếu có) tính theo phương pháp trực tiếp đối với các khoản thu nhập khác ở doanh nghiệp nộp thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp.
- Cuối kỳ kế toán, kết chuyển các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ sang Tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”.

Bên Có:

Các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ.

Tài khoản 711 không có số dư cuối kỳ.

❖ *Tài khoản 811*: chi phí khác

- Kết cấu

Bên Nợ:

Các khoản chi phí khác phát sinh.

Bên Có:

Cuối kỳ, kết chuyển toàn bộ các khoản chi phí khác phát sinh trong kỳ sang Tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”.

Tài khoản 811 không có số dư cuối kỳ.

1.2.5.3 Phương pháp hạch toán

Phương pháp hạch toán thu nhập khác và chi phí khác được khái quát qua sơ đồ 1.6 như sau.

1.2.6 Kế toán xác định kết quả kinh doanh

1.2.6.1 Chứng từ sử dụng

- ✓ Phiếu kế toán

1.2.6.2 Tài khoản sử dụng

❖ **Tài khoản 911:** xác định kết quả kinh doanh

- Kết cấu

Bên Nợ:

- Trị giá vốn của sản phẩm, hàng hoá, bất động sản đầu tư và dịch vụ đã bán;
- Chi phí hoạt động tài chính, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp và chi phí khác;
- Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp;
- Kết chuyển lãi.

Bên Có:

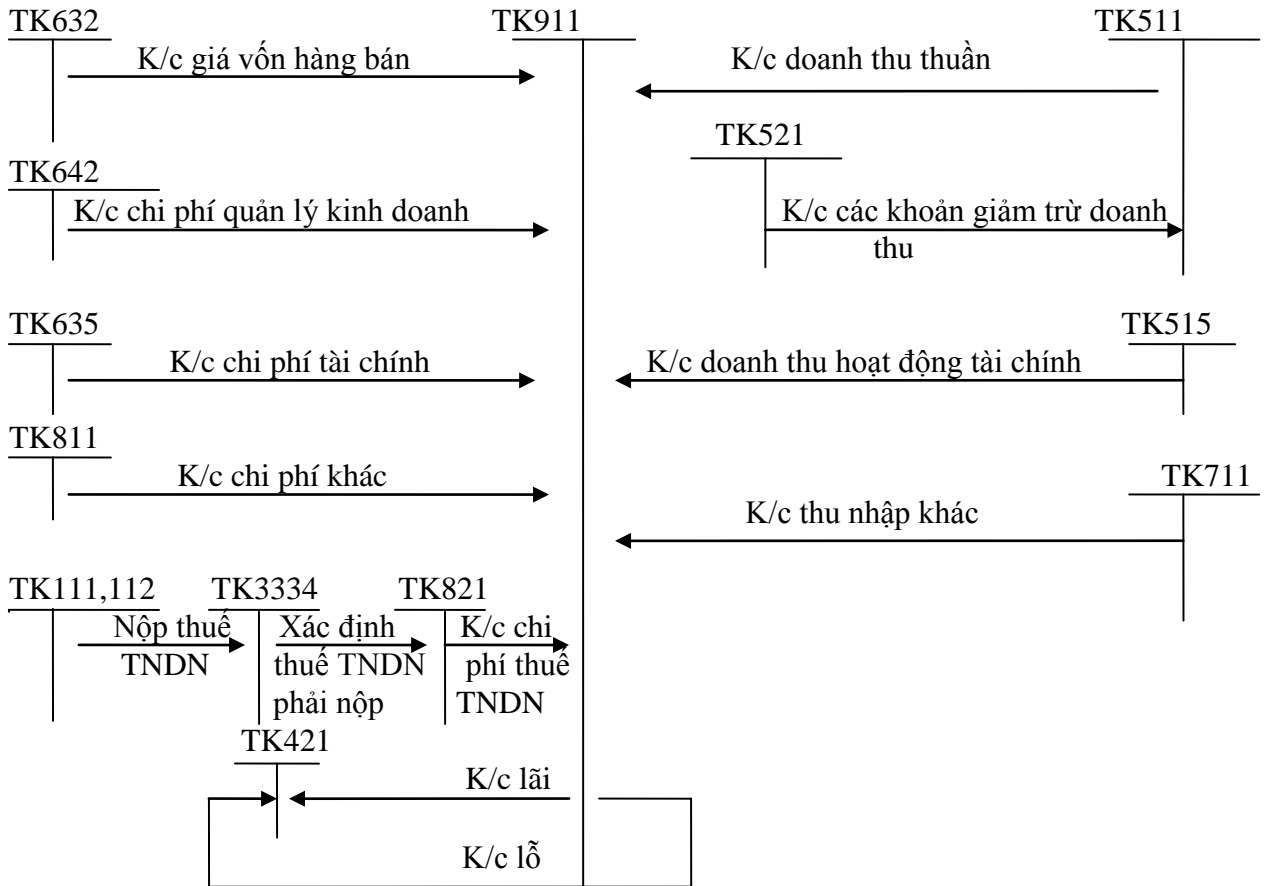
- Doanh thu thuần về số sản phẩm, hàng hoá, bất động sản đầu tư và dịch vụ đã bán trong kỳ;
- Doanh thu hoạt động tài chính, các khoản thu nhập khác và khoản ghi giảm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp;
- Kết chuyển lỗ.

Tài khoản 911 không có số dư cuối kỳ.

1.2.6.3 Phương pháp hạch toán

Phương pháp hạch toán xác định kết quả hoạt động kinh doanh được khái quát qua sơ đồ 1.7 như sau:

Sơ đồ 1.7 Sơ đồ hạch toán xác định kết quả kinh doanh



1.3 TỔ CHỨC VẬN DỤNG HỆ THỐNG SỔ SÁCH KẾ TOÁN VÀO CÔNG TÁC KẾ TOÁN XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP VỪA VÀ NHỎ

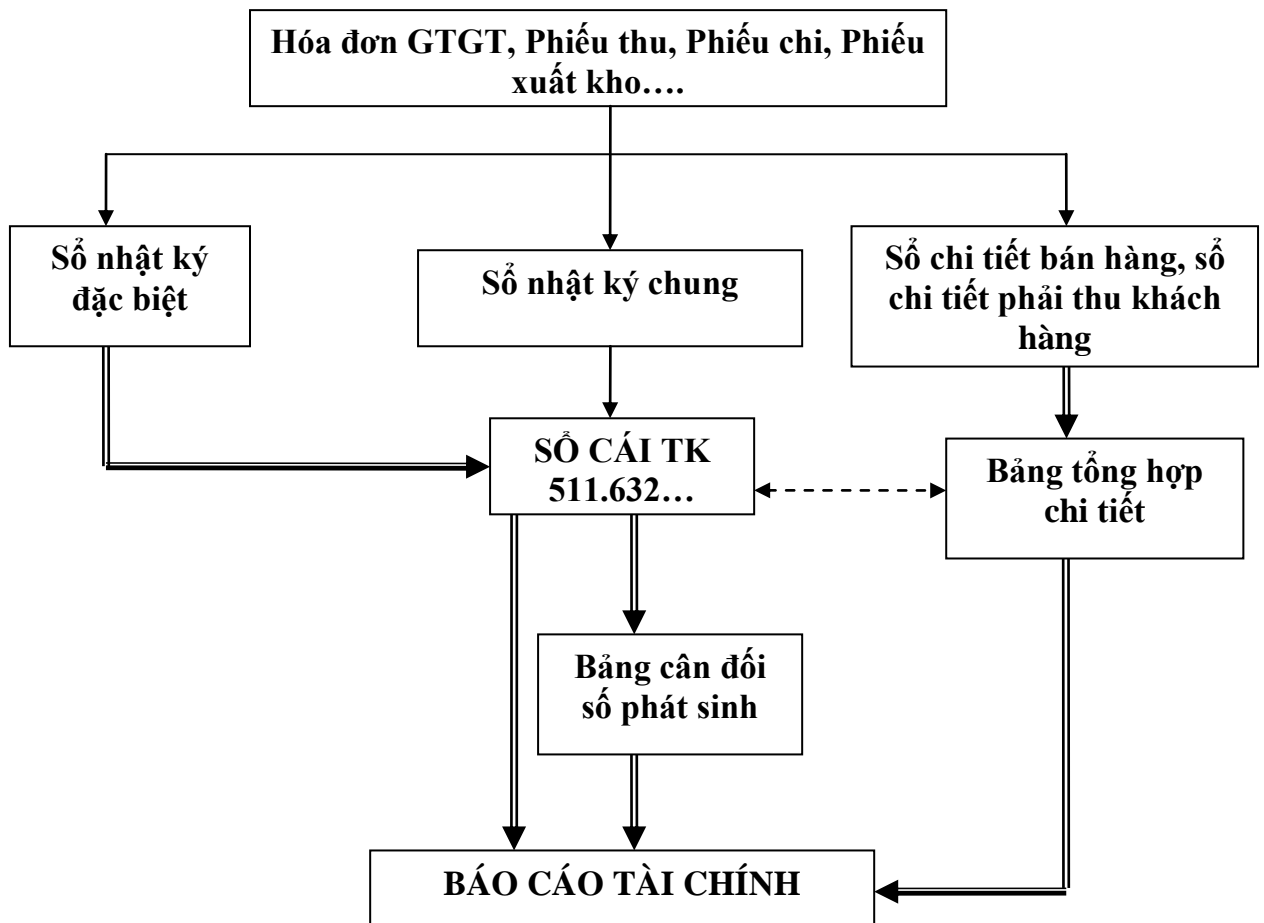
Doanh nghiệp được áp dụng một trong 5 hình thức kế toán sau:

- Hình thức kế toán nhật ký chung
- Hình thức kế toán nhật ký- sổ cái
- Hình thức kế toán chứng từ ghi sổ
- Hình thức kế toán nhật ký- chứng từ
- Hình thức kế toán trên máy vi tính

Trong mỗi hình thức sổ kế toán có những quy định cụ thể về số lượng, mẫu sổ, trình tự, phương pháp ghi chép và mối quan hệ giữa các sổ kế toán.

1.3.1 Hình thức kế toán nhật ký chung

Sơ đồ 1.8: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký chung



Ghi chú: \longrightarrow : Ghi hàng ngày
 \Longrightarrow : Ghi cuối tháng, hoặc định kỳ
 $\leftarrow\text{---}\text{---}\text{---}\longrightarrow$: Quan hệ đối chiếu, kiểm tra

Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký chung

(1) Hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ đã kiểm tra được dùng làm căn cứ ghi sổ, trước hết ghi nghiệp vụ phát sinh vào sổ Nhật ký chung, sau đó căn cứ số liệu đã ghi trên sổ Nhật ký chung để ghi vào Sổ Cái theo các tài khoản kế toán phù hợp. Nếu đơn vị có mở sổ, thẻ kế toán chi tiết thì đồng thời với việc ghi sổ Nhật ký chung, các nghiệp vụ phát sinh được ghi vào các sổ, thẻ kế toán chi tiết liên quan.

(2) Cuối tháng, cuối quý, cuối năm, cộng số liệu trên Sổ Cái, lập Bảng cân đối số phát sinh.

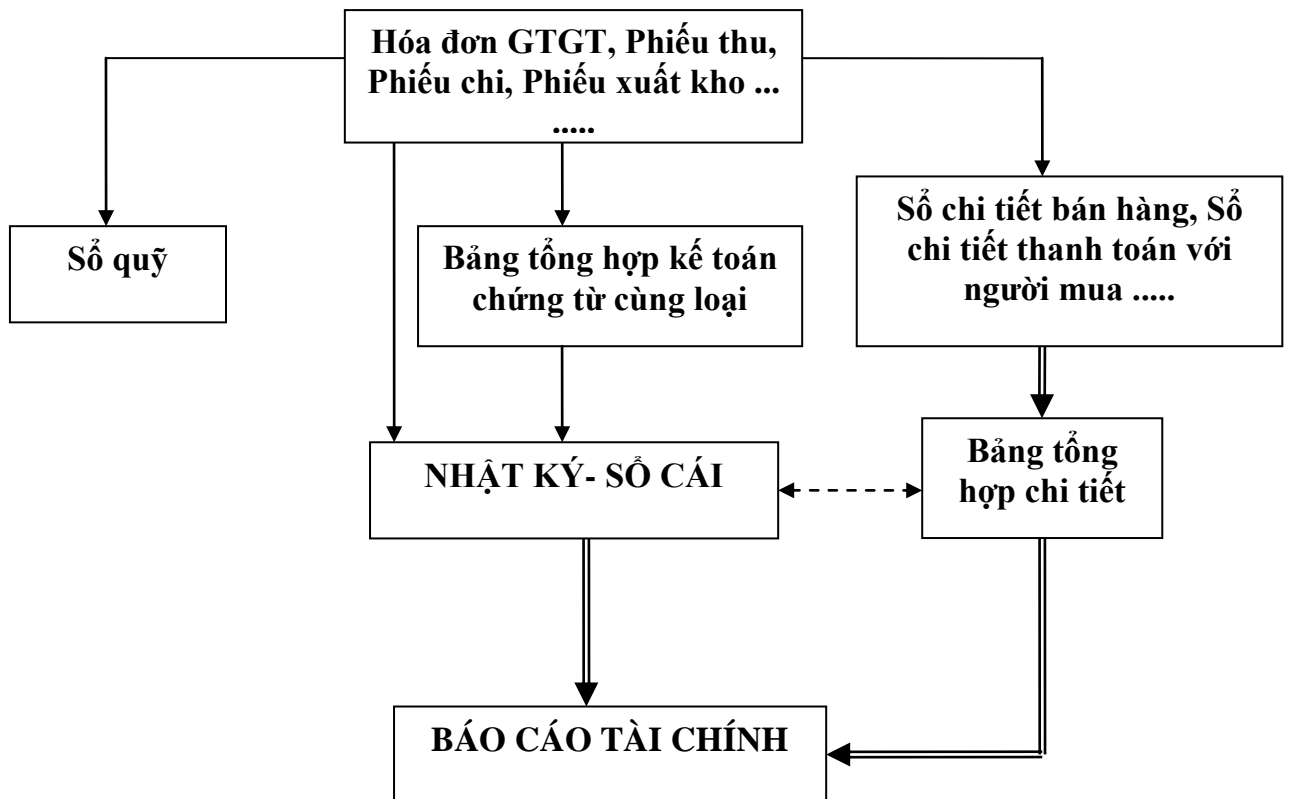
Sau khi đã kiểm tra đối chiếu khớp đúng, số liệu ghi trên Sổ Cái và bảng tổng hợp chi tiết (được lập từ các Sổ, thẻ kế toán chi tiết) được dùng để lập các Báo cáo tài chính.

1.3.2 Hình thức kế toán nhật ký- sổ cái

Hình thức kế toán Nhật ký - Sổ cái gồm các loại sổ chủ yếu sau:

- Nhật ký - Sổ cái;
- Các sổ, thẻ kế toán chi tiết.

Sơ đồ 1.9: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký – Sổ cái



Ghi chú :

- > Ghi hàng ngày
- =====> Ghi cuối tháng
- > Đối chiếu, kiểm tra

Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký sổ cái

(1) Hàng ngày, kế toán căn cứ vào các chứng từ kế toán hoặc Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại đã được kiểm tra và được dùng làm căn cứ ghi sổ, trước hết xác định tài khoản ghi Nợ, tài khoản ghi Có để ghi vào Sổ Nhật ký – Sổ Cái. Số liệu của mỗi chứng từ (hoặc bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại) được ghi trên một dòng ở cả 2 phần Nhật ký và phần Sổ Cái. Bảng tổng hợp chứng từ kế toán được lập cho những chứng từ cùng loại (Phiếu thu, phiếu chi, phiếu xuất, phiếu nhập,...) phát sinh nhiều lần trong một ngày hoặc định kỳ 1 đến 3 ngày.

Chứng từ kế toán và Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại sau khi đã ghi Sổ Nhật ký - Sổ Cái, được dùng để ghi vào Sổ, Thẻ kế toán chi tiết có liên quan.

(2) Cuối tháng: Sau khi đã phản ánh toàn bộ chứng từ kế toán phát sinh trong tháng vào Sổ Nhật ký - Sổ Cái và các sổ, thẻ kế toán chi tiết, kế toán tiến hành cộng số liệu của cột số phát sinh ở phần Nhật ký và các cột Nợ, cột Có của từng tài khoản ở phần Sổ Cái để ghi vào dòng cộng phát sinh cuối tháng. Căn cứ vào số phát sinh các tháng trước và số phát sinh tháng này tính ra số phát sinh lũy kế từ đầu quý đến cuối tháng này. Căn cứ vào số dư đầu tháng (đầu quý) và số phát sinh trong tháng kế toán tính ra số dư cuối tháng (cuối quý) của từng tài khoản trên Nhật ký - Sổ Cái.

(3) Khi kiểm tra, đối chiếu số cộng cuối tháng (cuối quý) trong Sổ Nhật ký - Sổ Cái phải đảm bảo các yêu cầu sau:

$$\begin{array}{l}
 \text{Tổng số tiền của cột} \quad \text{Tổng số phát sinh Nợ} \quad \text{Tổng số phát sinh Có} \\
 \text{“phát sinh” ở phần} \quad = \quad \text{của tất cả các} \quad = \quad \text{của tất cả các} \\
 \text{Nhật Ký} \quad \quad \quad \text{Tài khoản} \quad \quad \quad \text{Tài khoản}
 \end{array}$$

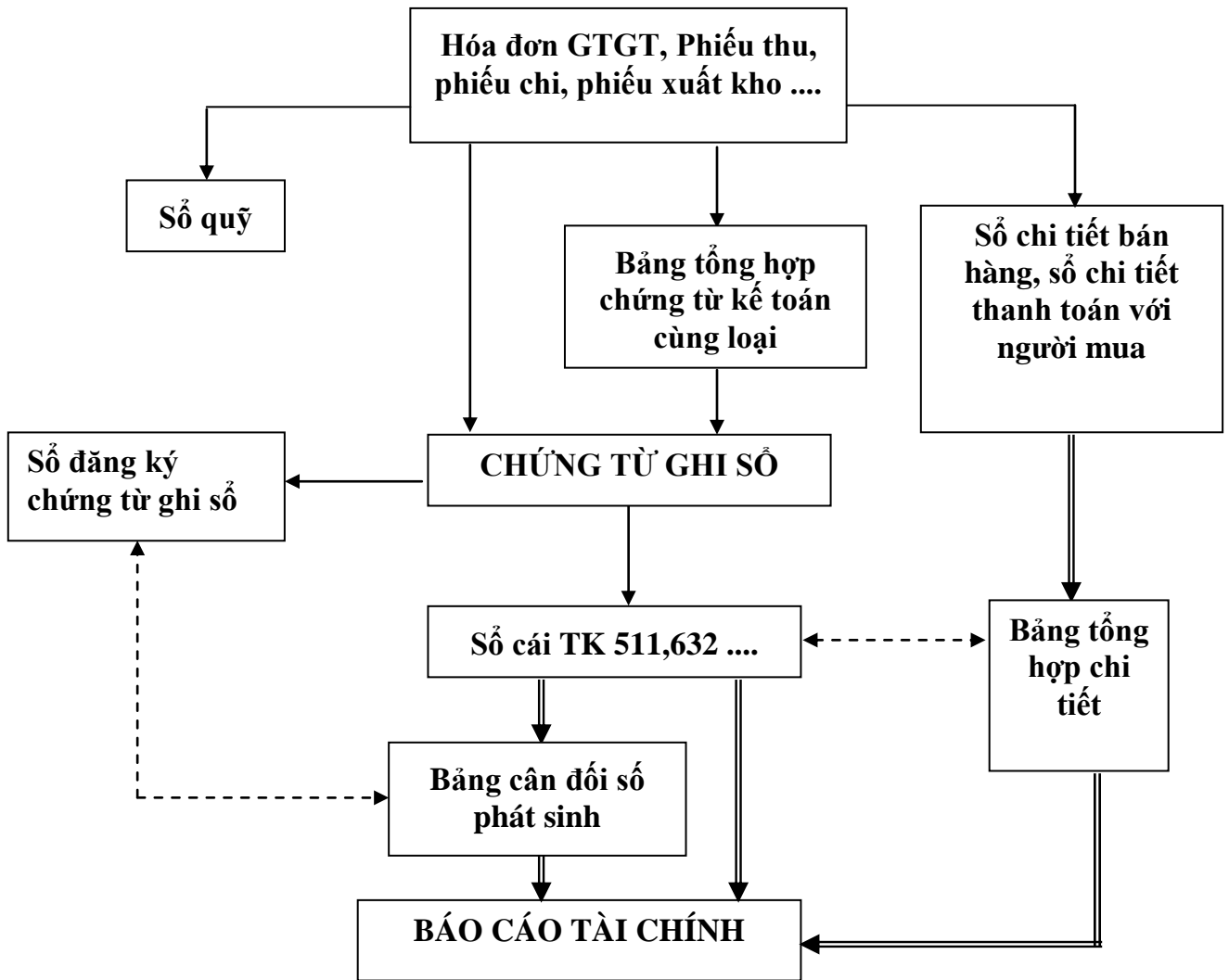
$$\text{Tổng số dư Nợ các Tài khoản} = \quad \text{Tổng số dư Có các Tài khoản}$$

(4) Các sổ, thẻ kế toán chi tiết cũng phải được khoá sổ để cộng số phát sinh Nợ, số phát sinh Có và tính ra số dư cuối tháng của từng đối tượng. Căn cứ vào số liệu khoá sổ của các đối tượng lập “Bảng tổng hợp chi tiết” cho từng tài khoản. Số liệu trên “Bảng tổng hợp chi tiết” được đối chiếu với số phát sinh Nợ, số phát sinh Có

và Số dư cuối tháng của từng tài khoản trên Sổ Nhật ký - Sổ Cái. Số liệu trên Nhật ký - Sổ Cái và trên “Bảng tổng hợp chi tiết” sau khi khóa sổ được kiểm tra, đối chiếu nếu khớp, đúng sẽ được sử dụng để lập báo cáo tài chính.

1.3.3 Hình thức kế toán chứng từ ghi sổ

Sơ đồ 1.10: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ



Ghi chú:

- Ghi hàng ngày
- ⇒ Ghi cuối kỳ
- ↔ Đối chiếu, kiểm tra

Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ gồm có các loại sổ kế toán sau:

- Chứng từ ghi sổ;
- Sổ Đăng ký Chứng từ ghi sổ;
- Sổ Cái;
- Các Sổ, Thẻ kế toán chi tiết.

Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ:

(1)- Hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ kế toán hoặc Bảng Tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại đã được kiểm tra, được dùng làm căn cứ ghi sổ, kế toán lập Chứng từ ghi sổ. Căn cứ vào Chứng từ ghi sổ để ghi vào sổ Đăng ký Chứng từ ghi sổ, sau đó được dùng để ghi vào Sổ Cái. Các chứng từ kế toán sau khi làm căn cứ lập Chứng từ ghi sổ được dùng để ghi vào Sổ, Thẻ kế toán chi tiết có liên quan.

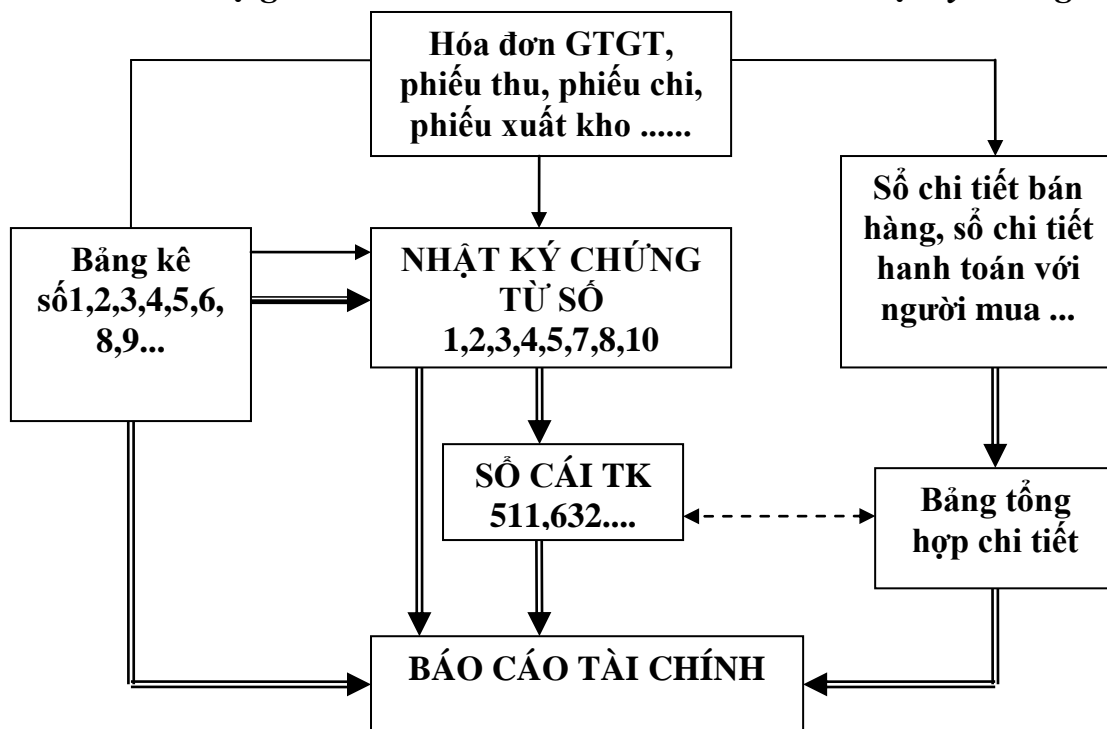
(2)- Cuối tháng, phải khoá sổ tính ra tổng số tiền của các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh trong tháng trên sổ Đăng ký Chứng từ ghi sổ, tính ra Tổng số phát sinh Nợ, Tổng số phát sinh Có và Số dư của từng tài khoản trên Sổ Cái. Căn cứ vào Sổ Cái lập Bảng Cân đối số phát sinh.

(3)- Sau khi đối chiếu khớp đúng, số liệu ghi trên Sổ Cái và Bảng tổng hợp chi tiết (được lập từ các sổ, thẻ kế toán chi tiết) được dùng để lập Báo cáo tài chính.

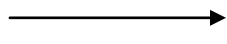
Quan hệ đối chiếu, kiểm tra phải đảm bảo Tổng số phát sinh Nợ và Tổng số phát sinh Có của tất cả các tài khoản trên Bảng Cân đối số phát sinh phải bằng nhau và bằng Tổng số tiền phát sinh trên sổ Đăng ký Chứng từ ghi sổ. Tổng số dư Nợ và Tổng số dư Có của các tài khoản trên Bảng Cân đối số phát sinh phải bằng nhau, và số dư của từng tài khoản trên Bảng Cân đối số phát sinh phải bằng số dư của từng tài khoản tương ứng trên Bảng tổng hợp chi tiết.

1.3.4 Hình thức kế toán nhật ký- chứng từ

Sơ đồ 1.11: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký chứng từ



Ghi chú :



Ghi hàng ngày



Ghi cuối tháng



Đối chiếu, kiểm tra

Hình thức kế toán Nhật ký – Chứng từ gồm có các loại sổ kế toán sau:

Nhật ký chứng từ;

Bảng kê;

Sổ Cái;

Sổ hoặc thẻ kế toán chi tiết.

Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký - Chứng từ

(1). Hàng ngày căn cứ vào các chứng từ kế toán đã được kiểm tra lấy số liệu ghi trực tiếp vào các Nhật ký - Chứng từ hoặc Bảng kê, sổ chi tiết có liên quan.

Đối với các loại chi phí sản xuất, kinh doanh phát sinh nhiều lần hoặc mang tính chất phân bổ, các chứng từ gốc trước hết được tập hợp và phân loại trong các bảng phân bổ, sau đó lấy số liệu kết quả của bảng phân bổ ghi vào các Bảng kê và Nhật ký - Chứng từ có liên quan.

Đối với các Nhật ký - Chứng từ được ghi căn cứ vào các Bảng kê, sổ chi tiết thì căn cứ vào số liệu tổng cộng của bảng kê, sổ chi tiết, cuối tháng chuyển số liệu vào Nhật ký - Chứng từ.

(2). Cuối tháng khoá sổ, cộng số liệu trên các Nhật ký - Chứng từ, kiểm tra, đối chiếu số liệu trên các Nhật ký - Chứng từ với các sổ, thẻ kế toán chi tiết, bảng tổng hợp chi tiết có liên quan và lấy số liệu tổng cộng của các Nhật ký - Chứng từ ghi trực tiếp vào Sổ Cái.

Đối với các chứng từ có liên quan đến các sổ, thẻ kế toán chi tiết thì được ghi trực tiếp vào các sổ, thẻ có liên quan. Cuối tháng, cộng các sổ hoặc thẻ kế toán chi tiết và căn cứ vào sổ hoặc thẻ kế toán chi tiết để lập các Bảng tổng hợp chi tiết theo từng tài khoản để đối chiếu với Sổ Cái.

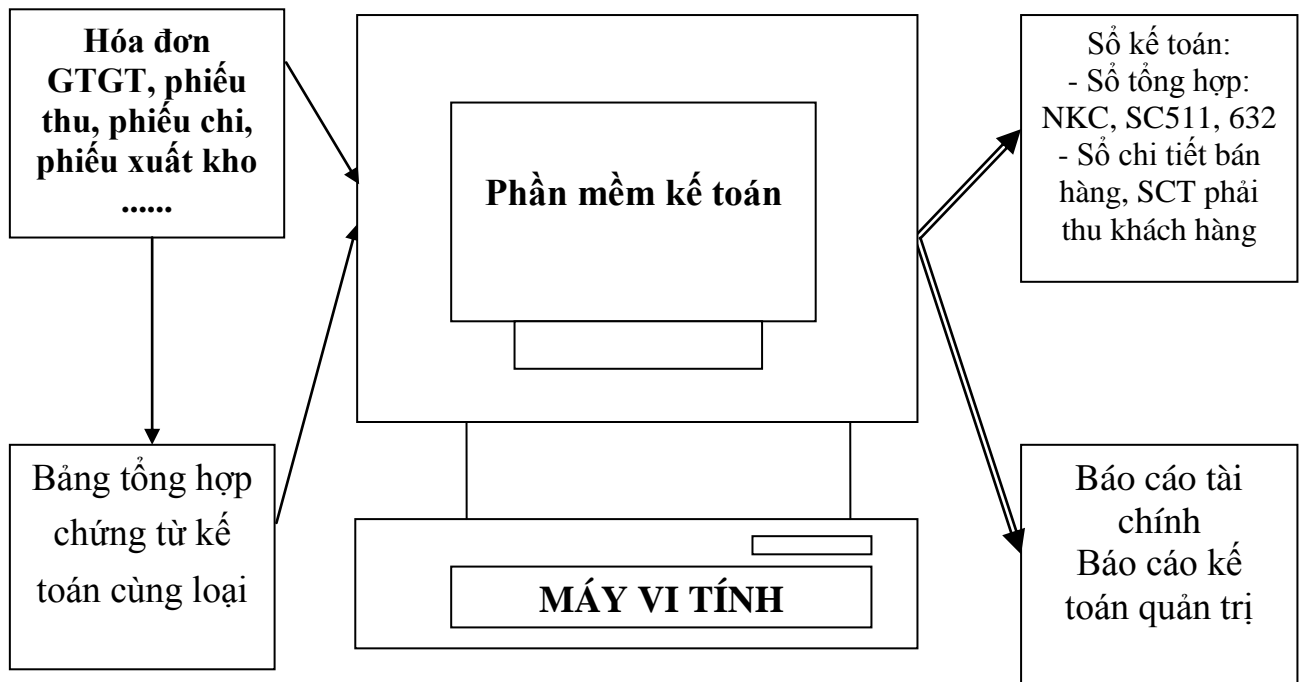
Số liệu tổng cộng ở Sổ Cái và một số chỉ tiêu chi tiết trong Nhật ký - Chứng từ, Bảng kê và các Bảng tổng hợp chi tiết được dùng để lập báo cáo tài chính.

1.3.5 Hình thức kế toán trên máy vi tính

Các loại sổ của Hình thức kế toán trên máy vi tính:

Phần mềm kế toán được thiết kế theo Hình thức kế toán nào sẽ có các loại sổ của hình thức kế toán đó nhưng không hoàn toàn giống mẫu sổ kế toán ghi bằng tay.

Sơ đồ số 1.12: Trình tự ghi sổ kế toán theo Hình thức kế toán trên máy vi tính



Ghi chú:

→ Ghi hàng ngày

⇒ Ghi cuối tháng hoặc định kỳ

↔ Quan hệ đối chiếu, kiểm tra

Trình tự ghi sổ kế toán theo Hình thức kế toán trên máy vi tính

(1) Hàng ngày, kế toán căn cứ vào chứng từ kế toán hoặc Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại đã được kiểm tra, được dùng làm căn cứ ghi sổ, xác định tài khoản ghi Nợ, tài khoản ghi Có để nhập dữ liệu vào máy vi tính theo các bảng, biểu được thiết kế sẵn trên phần mềm kế toán.

Theo quy trình của phần mềm kế toán, các thông tin được tự động nhập vào sổ kế toán tổng hợp (Sổ Cái hoặc Nhật ký- Sổ Cái...) và các sổ, thẻ kế toán chi tiết liên quan.

(2) Cuối tháng (hoặc bất kỳ vào thời điểm cần thiết nào), kế toán thực hiện các thao tác khoá sổ (cộng sổ) và lập báo cáo tài chính. Việc đối chiếu giữa số liệu

tổng hợp với số liệu chi tiết được thực hiện tự động và luôn đảm bảo chính xác, trung thực theo thông tin đã được nhập trong kỳ. Người làm kế toán có thể kiểm tra, đối chiếu số liệu giữa sổ kế toán với báo cáo tài chính sau khi đã in ra giấy.

Thực hiện các thao tác để in báo cáo tài chính theo quy định.

Cuối tháng, cuối năm sổ kế toán tổng hợp và sổ kế toán chi tiết được in ra giấy, đóng thành quyển và thực hiện các thủ tục pháp lý theo quy định về sổ kế toán ghi bằng tay.

CHƯƠNG 2

THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI HẢI VIỆT

2.1 KHÁI QUÁT CHUNG VỀ CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI HẢI VIỆT

2.1.1 Quá trình hình thành và phát triển

Công ty Cổ Phần Thương Mại Hải Việt được thành lập vào ngày 15/03/2005 theo Quyết Định của Sở kế hoạch và Đầu tư TP Hải Phòng.

Tên giao dịch : Công ty Cổ Phần Thương Mại Hải Việt

Địa chỉ : Số 153 Quang Trung, Hồng Bàng, Hải Phòng

Mã số thuế : 0200596414

Điện thoại : 031.3520966

Fax : 031.3520967

Tài khoản số: 10921255405019 – Ngân hàng Á châu ACB

Ngành nghề kinh doanh: Công ty là nhà phân phối dầu ăn Tường An có 14 loại dầu ăn Tường An sau:

- Dầu Ngon (0.37lit,0.88lit)
- Dầu Olita (0.4lit,1lit,2lit,5lit)
- Dầu Cooking
- Dầu Vạn Thọ (0.25lit,0.4lit,1lit,2lit,5lit)
- Dầu Nành (0.4lit,1lit,2lit,5lit)
- Dầu Vio Extr
- Dầu Oliu
- Dầu Mè
- Dầu Phộng
- Dầu Sea
- Dầu Marg
- Dầu thùng giấy 18kg
- Dầu thùng giấy 18kg(2bing/thùng)

Là một công ty tư nhân, hạch toán kinh doanh độc lập, tự chủ về tài chính và có tư cách pháp nhân, có con dấu riêng và hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực thương mại.

- **Chức năng:**

Công ty Cổ phần Thương mại Hải Việt là một doanh nghiệp cổ phần có sự góp vốn của Nhà nước có chức năng chủ yếu là thực hiện lưu thông hàng hoá phục vụ nhu cầu tiêu dùng của nhân dân trong nước, người nước ngoài, khách vãng lai và các tổ chức kinh doanh khác, hoạt động theo cơ chế thị trường với mục tiêu lợi nhuận, có sự điều tiết của Nhà nước

- **Nhiệm vụ:**

- Tổ chức tốt công tác mua hàng hoá tại các cơ sở sản xuất, gia công, chế biến..
- Tổ chức mạng lưới bán buôn, bán lẻ hàng hoá cho các cá nhân, tổ chức sản xuất kinh doanh qua mạng lưới các cửa hàng bán lẻ phục vụ nhu cầu hàng ngày của nhân dân và mạng lưới bán buôn một số mặt hàng.
- Tổ chức tốt công tác dự trữ và bảo quản hàng hoá.
- Quản lý, khai thác và sử dụng nguồn vốn một cách có hiệu quả, đảm bảo nguồn vốn huy động để mở rộng kinh doanh.
- Làm tròn nghĩa vụ đối với Nhà nước thông qua việc giao nộp Ngân sách hàng năm.
- Tuân thủ và thực hiện đúng các chính sách kinh tế của Nhà nước.
- Nghiên cứu và thực hiện có hiệu quả các biện pháp tiết kiệm chi phí, bảo đảm chất lượng nhằm nâng cao sức cạnh tranh và mở rộng thị trường kinh doanh.

Kể từ khi thành lập đến nay, Công ty vẫn luôn đảm bảo việc làm và thu nhập ổn định cho cán bộ công nhân viên. Kết quả hoạt động SXKD cũng có những sự tăng trưởng rõ rệt. Ở thị trường trong nước thì với uy tín và tiềm lực vốn có của mình, Công ty đã thâm nhập vào thị trường ngoại tỉnh, xây dựng được mạng lưới tiêu thụ cho các tỉnh thành phố như: Quảng Ninh ,Hà Nội, Hải Dương, Thái Bình...

Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là kinh doanh các mặt hàng dầu ăn Tường An

Trong điều kiện kinh tế thị trường với sự cạnh tranh của hàng loạt các công ty thương mại lớn nhỏ, việc đưa hàng hóa đến tay người tiêu dùng đòi hỏi phải phù hợp với đặc điểm, quy mô hoạt động kinh doanh của công ty. Để làm được điều này công ty phải cố gắng đa dạng hóa phương thức tiêu thụ và thanh toán tiền hàng đồng thời nhận đại lý, ký gửi cho nhiều thành phần kinh tế.

Hiện nay, công ty có 2 phương thức tiêu thụ hàng hóa chủ yếu là bán buôn và bán lẻ, kinh doanh mặt hàng thuộc ngành dầu ăn TƯỜNG AN phục vụ cho nhu cầu tiêu dùng trong nước với thị trường chủ yếu là Hải Phòng và các tỉnh lân cận.

Công ty đang áp dụng các phương thức bán hàng linh hoạt, đáp ứng tối đa nhu cầu của khách hàng, giá cả hợp lý, chất lượng bảo đảm, điều kiện thanh toán thuận tiện rất hiệu quả.

Công ty cổ phần thương mại Hải Việt với chức năng chủ yếu là lưu thông hàng hoá qua mạng lưới bán buôn, bán lẻ, luôn giám sát, kiểm tra chặt chẽ các nguồn hàng bán đi, số vốn hàng bán và lợi nhuận thu về. Ngoài ra, công ty còn tiến hành các hoạt động thương mại như: quảng cáo, marketing trực tiếp, chào bán hàng... để đẩy nhanh hơn quá trình bán hàng.

Từ khi xóa bỏ cơ chế quản lý kinh tế tập chung bao cấp chuyển sang nền kinh tế hàng hóa vận hành theo cơ chế thị trường có sự quản lý của nhà nước, công ty đã nhanh chóng đi vào ổn định hoạt động kinh doanh, bắt kịp với sự biến động của nền kinh tế, công ty đã luôn luôn đề ra những phương hướng phát triển theo kịp cơ chế thị trường.

Là một Công ty kinh doanh có quy mô, trong những năm qua Công ty đã xây dựng được cơ chế hoạt động trong nội bộ một cách hợp lý. Đó là sự phân cấp rõ ràng về chức trách, quyền hạn của các đơn vị nội bộ.

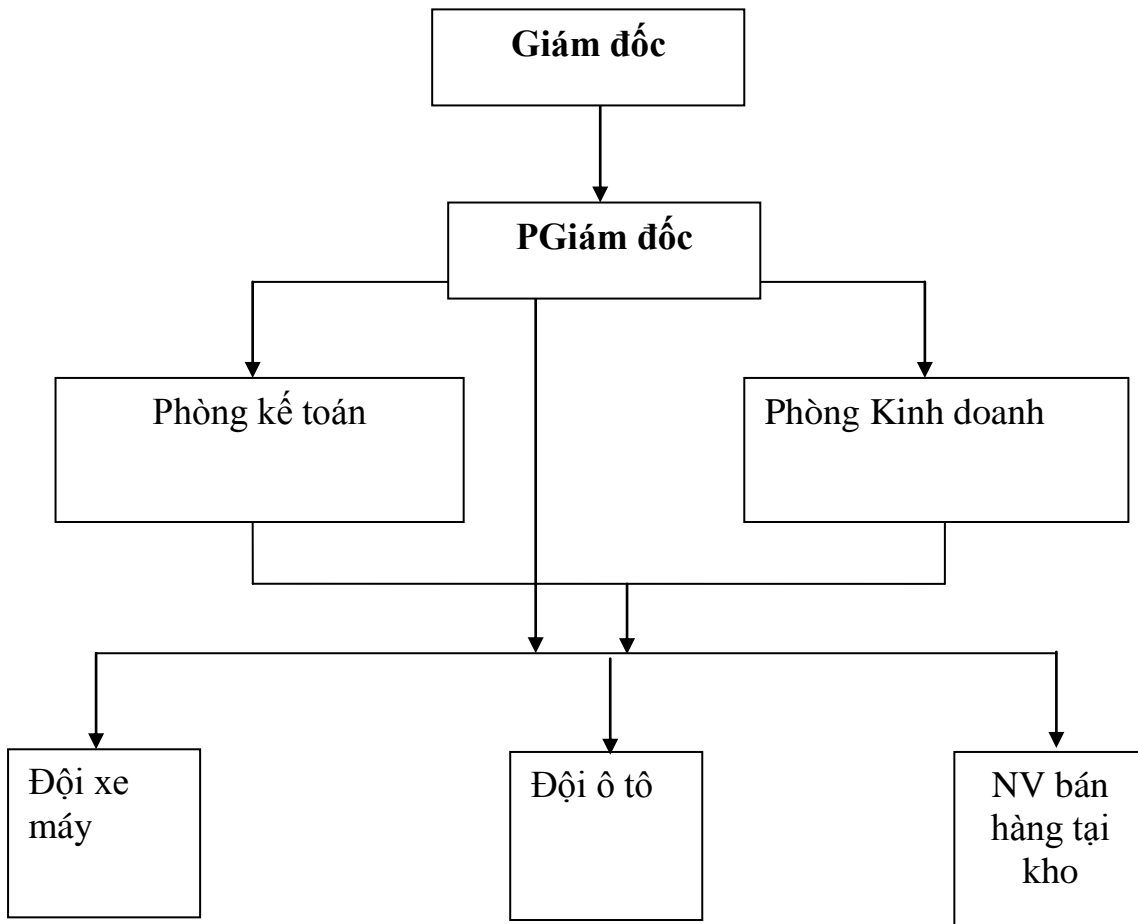
Cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý tại Công ty theo kiểu trực tuyến chức năng, mọi tổ chức đều do Giám đốc quyết định, các phòng ban có nhiệm vụ tham mưu cho Giám đốc.

Trong giai đoạn kinh tế thế giới có nhiều biến động, chịu ảnh hưởng nhiều nhất đó là các nước Đông Nam Á trong đó có Việt Nam. Tuy khó khăn, như công

ty vẫn từng bước khắc phục và đứng vững trên thị trường. Hoàn thành tốt nghĩa vụ của mình đối với nhà nước.

2.1.2 Cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý

Sơ đồ 2.1: Tổ chức bộ máy quản lý công ty



Chức năng của các phòng ban như sau:

+/ Giám đốc công ty : Người đứng đầu công ty chịu trách nhiệm điều hành hoạt động của công ty. Là người đại diện pháp nhân của đơn vị, chịu trách nhiệm trước công ty và pháp luật Nhà nước về mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Giám đốc là người có quyền quản lý cao nhất của công ty, có quan hệ liên doanh, liên kết với các đơn vị kinh tế trong và ngoài nước, mang lại hiệu quả cao cho công ty.

+/ Phó giám đốc công ty : Quản lý công ty trong lĩnh vực hành chính, nhân sự nhằm đáp ứng kịp thời và đúng nhất cho hoạt động của Công ty, đánh giá đúng

nhất năng lực cán bộ cả về hình thức và chất lượng lao động để tham mưu cho giám đốc từ đó có sự phân công lao động phù hợp năng lực nhất. Là người giúp giám đốc quản lý, điều hành một số lĩnh vực hoạt động của công ty theo sự phân công của giám đốc, chịu trách nhiệm trước giám đốc và pháp luật về nhiệm vụ được phân công, có nhiệm vụ đầu kỳ lập kế hoạch sản xuất kinh doanh đổi mới bộ máy quản lý, kiểm tra việc hạch toán của công ty.

+/ Phòng kế toán : Quản lý công ty trong lĩnh vực tài chính, kế toán nhằm phục vụ và phản ánh đúng, trung thực nhất năng lực của Công ty về tài chính, nhằm đánh giá, tham mưu trong lĩnh vực quản lý cho giám đốc.

+/ Phòng kinh doanh : chịu trách nhiệm về mảng tiếp thị . maketing, bán Khai thác khách hàng, tìm việc và ký kết các hợp đồng kinh tế, phụ trách việc hoàn thiện các thủ tục thanh toán công nợ cũng như các tài liệu công nợ, nghiệm thu, bàn giao tài liệu,.....đồng thời phối hợp với phòng kế toán trong việc xác định chính xác công nợ của khách hàng.

Tham mưu cho Phó Giám đốc kinh doanh, lập kế hoạch kinh doanh quý năm cho toàn Công ty, chỉ đạo các nhiệm vụ kinh doanh của toàn Công ty, đề xuất các biện pháp điều hành chỉ đạo kinh doanh từ văn phòng Công ty đến các đơn vị phụ thuộc.

+/ Đội vận chuyển: gồm đội xe máy và đội ô tô chịu trách nhiệm vận chuyển hàng hóa tới nơi giao nhận theo đơn đặt hàng, có trách nhiệm với hàng hóa trên phương tiện vận chuyển của mình chịu sự chỉ huy giám sát của Phó giám đốc

+/ Nhân viên bán hàng: làm việc tại kho hàng, có trách nhiệm giao hàng và nhận tiền hàng khi đại lý tới kho lấy hàng, chịu sự quản lý của Phó Giám Đốc.

+/ Phòng bảo vệ: chịu trách nhiệm về an ninh, trật tự an toàn cho mọi người, giữ gìn mọi tài sản của Công ty.

2.1.3 Tổ chức công tác kế toán tại Công ty cổ phần thương mại Hải Việt

2.1.3.1 Tổ chức bộ máy kế toán tại Công ty

Bộ máy kế toán ở Công ty cổ phần thương mại Hải Việt được tổ chức theo mô hình kế toán tập trung. Theo mô hình này phòng kế toán ở công ty có nhiệm vụ

kế toán tổng hợp và kế toán chi tiết toàn bộ các nhiệm vụ kế toán tài chính phát sinh ở công ty.

Phòng kế toán có chức năng giúp giám đốc công ty chỉ đạo thực hiện công tác kế toán, thống kê thu thập, xử lý thông tin kinh tế trong doanh nghiệp. Qua đó kiểm tra đánh giá hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, tình hình và hiệu quả sử dụng vốn nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh.

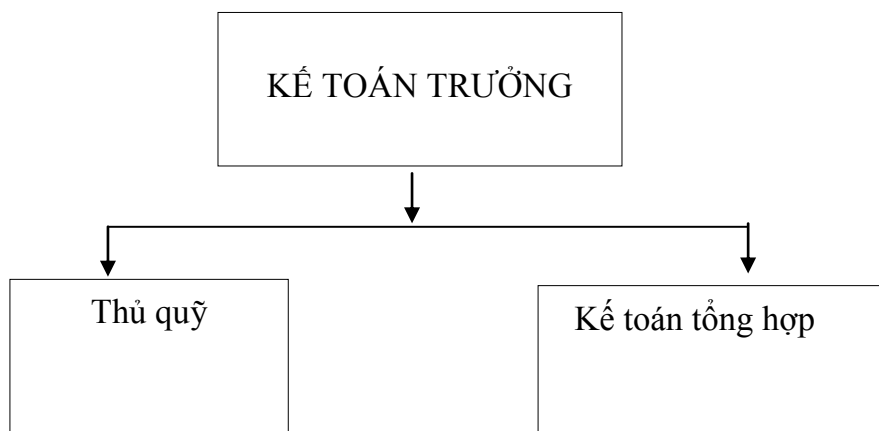
Công việc kế toán của công ty được chia thành các phần hành riêng theo sự phân công của kế toán trưởng được phân bổ như sau:

Kế toán trưởng: Là người giúp giám đốc công ty tổ chức bộ máy kế toán công ty, hướng dẫn các kế toán viên thực hiện theo đúng trách nhiệm của mình, chịu sự kiểm tra về chuyên môn, theo dõi cho giám đốc về hoạt động tài chính và điều hành tài chính

Thủ quỹ: Là người quản lý tiền lương trong công ty, chịu trách nhiệm về các khoản thu chi trong doanh nghiệp.

Kế toán tổng hợp: có nhiệm vụ tổng hợp kế toán văn phòng và toàn công ty, lập báo cáo kết quả kinh doanh, lập bảng cân đối kế toán, báo cáo tình hình tăng giảm TSCĐ và lập báo cáo khác theo yêu cầu của công ty. Ghi chép các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong công ty.

Sơ đồ 2.2: tổ chức bộ máy kế toán



2.1.3.2 Các chính sách và phương pháp kế toán áp dụng tại công ty

Niên độ kế toán: từ 01/01 đến 31/12 hàng năm

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: đồng Việt Nam

Hình thức kế toán áp dụng: Nhật ký chung

Các chính sách, phương pháp kế toán áp dụng:

- ✓ Kế toán hàng tồn kho: theo phương pháp kê khai thường xuyên
- ✓ Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho: Ghi theo giá gốc
- ✓ Tình giá hàng xuất kho: theo phương pháp bình quân gia quyền liên hoàn
- ✓ Tính và nộp thuế GTGT :theo phương pháp khấu trừ
- ✓ Tính KH TSCĐ: theo phương pháp đường thẳng

2.1.3.3 Tổ chức hệ thống chứng từ và TK kế toán

Công ty tổ chức vận dụng hệ thống chứng từ và tài khoản ban hành theo Quyết định số 48/2006/QĐ-BTC ngày 14/09/2006 của bộ tài chính, hệ thống chứng từ của công ty sử dụng theo đúng quy định của bộ tài chính.

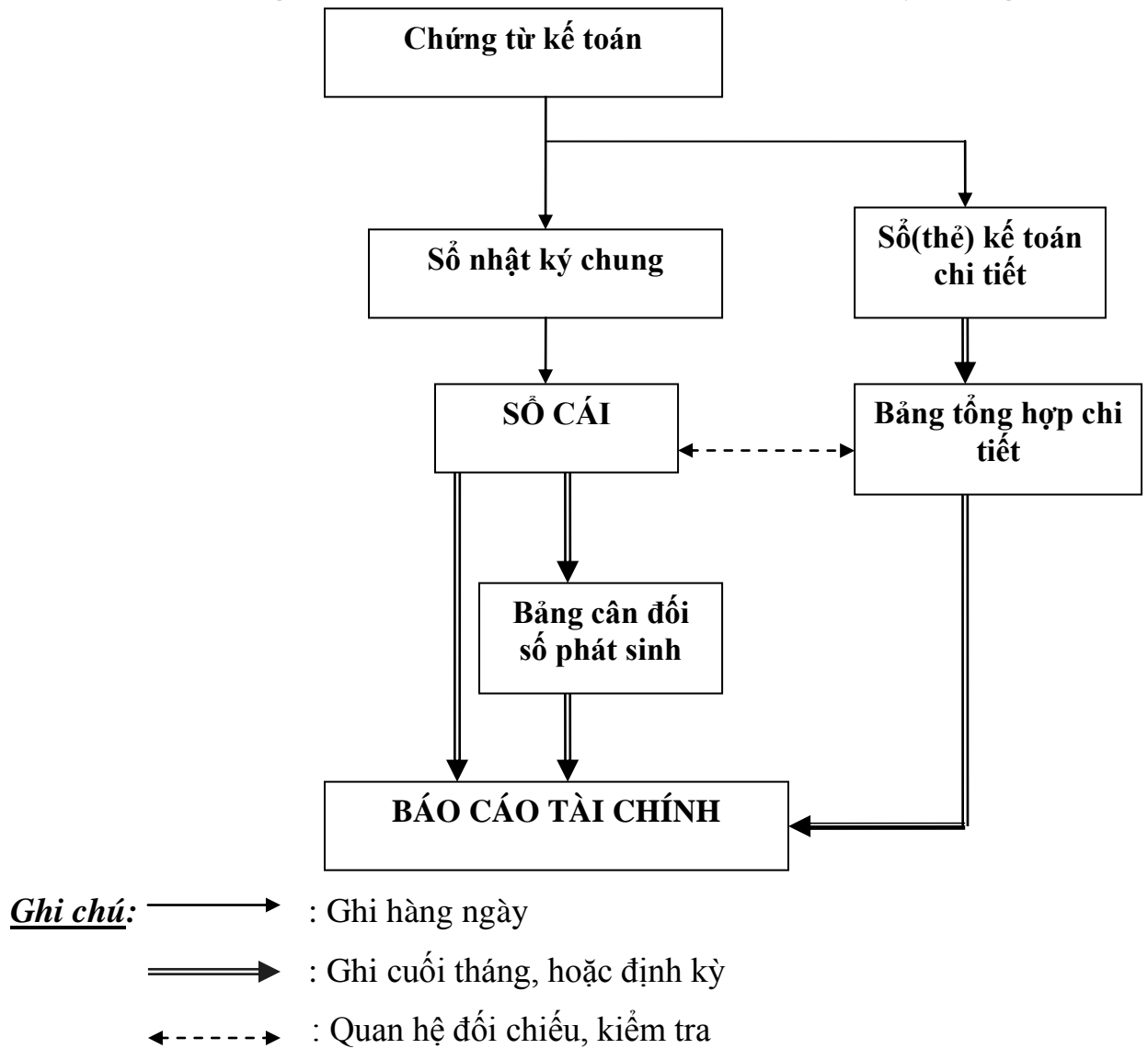
2.1.3.4 Tổ chức hệ thống sổ kế toán

Công ty áp dụng là hình thức kế toán “Nhật ký chung”. Đặc điểm chủ yếu của hình thức kế toán “Nhật ký chung” là tất cả các nghiệp vụ kinh tế phát sinh phản ánh ở chứng từ gốc đều được ghi chép theo trình tự thời gian và theo quan hệ đối ứng tài khoản vào sổ NKC sau đó từ sổ NKC vào sổ cái các tài khoản, từ sổ cái các tài khoản và bảng tổng hợp chi tiết lập báo cáo tài chính.

Hệ thống sổ kế toán gồm : sổ nhật ký chung, sổ cái các tài khoản, sổ chi tiết, bảng tổng hợp chi tiết.

Trình tự ghi sổ kế toán của công ty CP thương mại Hải Việt được khái quát theo sơ đồ 2.3 như sau

Sơ đồ 2.3: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký chung



2.1.3.5 Tổ chức hệ thống báo cáo Tài chính

Theo quy định hiện hành hệ thống báo cáo tài chính của công ty bao gồm

Bảng cân đối kế toán (B01-DN)

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (B02-DN)

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (B03-DN)

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (B09- DN)

2.2 THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI HẢI VIỆT

2.2.1 Kế toán doanh thu bán hàng

2.2.1.1 Nội dung doanh thu bán hàng tại công ty

Công ty cổ phần thương mại Hải Việt là một doanh nghiệp hoạt động kinh doanh thương mại. Doanh thu bán hàng của công ty bao gồm doanh thu bán các loại hàng hoá như dầu vụn thò, dầu cookinh, dầu nành, dầu bịch...

Công ty CP thương mại Hải Việt đã sử dụng hai phương thức bán hàng chủ yếu là: Bán buôn và bán lẻ

*Bán buôn: Là hình thức bán hàng chủ yếu của công ty. Những đối tượng bán buôn thường là các doanh nghiệp, công ty lớn hoạt động sản xuất kinh doanh trong lĩnh vực công nghiệp, dịch vụ và các đại lý phân phối bán lẻ của Công ty.

*Bán lẻ: là phương thức giúp doanh nghiệp tiêu thụ nhanh hơn. Khách hàng chủ yếu là cá nhân, tổ chức có nhu cầu mua dầu chai và dầu bịch... nhằm đáp ứng trực tiếp nhu cầu của khách hàng.

Để tạo điều kiện cho khách hàng Công ty sử dụng phương thức thanh toán chủ yếu là thanh toán ngay bằng tiền mặt hoặc tiền gửi ngân hàng ngoài ra còn tạo điều kiện cho khách hàng được thanh toán chậm trả

2.2.1.2 Chứng từ sử dụng

- ✓ Hợp đồng kinh tế, đơn đặt hàng
- ✓ Hoá đơn GTGT
- ✓ Các chứng từ thanh toán, phiếu thu, giấy báo có
- ✓ Các chứng từ khác có liên quan

2.2.1.3 Tài khoản sử dụng

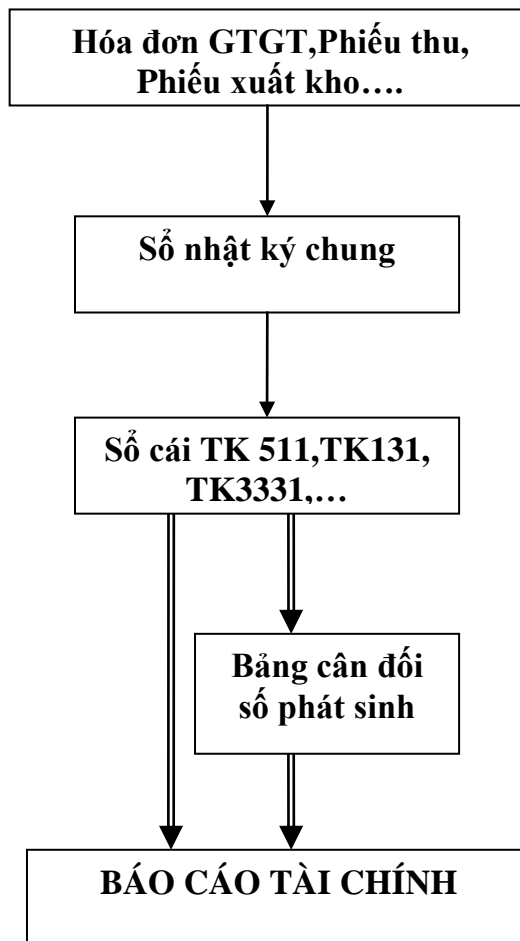
- TK 511 “Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ”
- TK 156 “Hàng hóa”
- TK3331 “Thuế GTGT đầu ra”
- TK911 “Xác định kết quả kinh doanh”
- Các TK liên quan khác

2.2.1.4 Quy trình hạch toán

Sơ đồ quy trình hạch toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ tại Công ty CP Thương Mại Hải Việt được khái quát qua **sơ đồ 2.4**

Khi nhận được đơn đặt hàng, yêu cầu đặt hàng của khách hàng kế toán viết phiếu xuất kho hàng hóa, phiếu xuất kho sau khi viết xong được chuyển cho thủ kho để xuất kho hàng hóa cho khách hàng. Khi xuất kho thủ kho phải kiểm tra xem số lượng, chủng loại hàng hóa có đúng với quy định ghi trong phiếu xuất kho hay không. Từ đó kế toán sẽ lập hóa đơn GTGT về bán hàng hóa

Sơ đồ 2.4: Quy trình hạch toán doanh thu tại Công ty



Ghi chú:

- > : Ghi hàng ngày
- =====> : Ghi cuối tháng, hoặc định kỳ

2.2.1.4 Ví dụ minh họa:

Ví dụ 1: Ngày 15 tháng 12 năm 2013 phát sinh nghiệp vụ bán 200 chai dầu vụn 0.4 lít và 100 chai vụn 1 lít cho công ty TNHH Hoa Lan thu tiền mặt số tiền 8.000.000 chưa thuế GTGT 10%. Giá vốn lô hàng là 5.800.000 đồng đã thu bằng tiền mặt

Ví dụ 2: Ngày 16 tháng 12 năm 2013 phát sinh nghiệp vụ bán 350 thùng dầu 9kg cooking cho công ty TNHH Tân Hiệp, số tiền : 77.000.000, Thuế GTGT 10%, trả bằng chuyển khoản. Giá vốn của lô hàng là 61.425.000

Kế toán tiến hành như sau :

- Căn cứ vào hóa đơn GTGT 0009525 (biểu số 2.1), hóa đơn GTGT số 0009526 (biểu số 2.2), phiếu thu số 128 (biểu số 2.3), giấy báo có ngân hàng (biểu số 2.4). Kế toán ghi sổ nhật ký chung (biểu số 2.5)
- Từ nhật ký chung vào sổ cái TK 511(biểu 2.6)
- Cuối kỳ căn cứ vào các sổ cái tiến hành lập bảng cân đối số phát sinh, báo cáo tài chính.

Biểu 2.1:

<p>HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG Liên 3: nội bộ Ngày 15 tháng 12 năm 2013</p>			<p>Mẫu số 01GTKT3/001 Ký hiệu: HV/13P Số:0009525</p>		
<p>Đơn vị bán hàng: Công ty Cổ Phần Thương Mại Hải Việt Địa chỉ: Số 153 Quang Trung, Hồng Bàng, Hải Phòng Số tài khoản: 10921255405019 – Ngân hàng Á châu ACB Điện thoại:0313520966 MST: 0200596414</p>					
<p>Họ và tên người mua hàng: Trần Anh Văn Tên đơn vị: Công ty TNHH Hoa Lan Địa chỉ: Tổ 4 Vạn Hương, Đồ Sơn, Hải Phòng Số tài khoản: MST:0200687774 Hình thức thanh toán: Tiền mặt</p>					
STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Vạn thọ 0.4lit	chai	200	25.000	5.000.000
2	Vạn thọ 1lit	chai	100	30.000	3.000.000
Cộng tiền hàng					8.000.000
Thuế suất thuế GTGT: 10%			Tiền thuế GTGT:		800.000
Tổng cộng tiền thanh toán					8.800.000
Số tiền viết bằng chữ: <i>Tám triệu tám trăm nghìn đồng chẵn</i>					
<p>Người mua hàng (ký, ghi họ tên)</p>		<p>Người bán hàng (ký, ghi họ tên)</p>		<p>Thủ trưởng đơn vị (Đóng dấu, ký ghi họ tên)</p>	

Biểu 2.2:

<p>HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG Liên 3: nội bộ Ngày 16 tháng 12 năm 2013</p>			<p>Mẫu số 01GTKT3/001 Ký hiệu: HV/13P Số:0009526</p>		
<p>Đơn vị bán hàng: Công ty Cổ Phần Thương Mại Hải Việt Địa chỉ: Số 153 Quang Trung, Hồng Bàng, Hải Phòng Số tài khoản: 10921255405019 – Ngân hàng Á châu ACB Điện thoại: 0313520966 MST: 0200596414</p>					
<p>Họ và tên người mua hàng: Đoàn Thu Trang Tên đơn vị: Công ty TNHH Tân Hiệp Địa chỉ: Khu I, Đồ Sơn, Hải Phòng Số tài khoản: MST:02007343337 Hình thức thanh toán: Chuyển khoản</p>					
STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Thùng dầu 9kg cooking	thùng	350	200.000	70.000.000
Cộng tiền hàng					70.000.000
Thuế suất thuế GTGT: 10%			Tiền thuế GTGT:		7.000.000
Tổng cộng tiền thanh toán					77.000.000
Số tiền viết bằng chữ: <i>bảy mươi bảy triệu đồng chẵn./.</i>					
<p>Người mua hàng (ký, ghi họ tên)</p>		<p>Người bán hàng (ký, ghi họ tên)</p>		<p>Thủ trưởng đơn vị (Đóng dấu, ký ghi họ tên)</p>	

Biểu 2.3:

Đơn vị: **Cổ Phần Thương Mại Hải
Việt**

Mẫu số 01-TT
(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC ngày
14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

PHIẾU THU

Ngày 15 tháng 12 năm 2013

Quyển số: 23
Số: 528

Nợ TK 111: 8.800.000 VND
Có TK 511: 8.000.000 VND
Có TK 3331: 800.000 VND

Họ và tên: *Trần Anh Văn*

Địa chỉ: *Tổ 4, Vạn Hương, Đồ Sơn, Hải Phòng*

Lý do thu: *Thu tiền hàng HD 0009525*

Số tiền: 8.800.000

Viết bằng chữ: Tám triệu tám trăm nghìn đồng chẵn./.

(Kèm theo 01 chứng từ gốc)

Ngày 15 tháng 12 năm 2013

Giám đốc
(Ký, đóng
dấu)

**Kế toán
trưởng**
(Ký, họ tên)

**Người lập
phiếu**
(Ký, họ tên)

Thủ quỹ
(Ký, họ tên)

**Người nộp
tiền**
(Ký, họ tên)

Biểu 2.4:

**NGÂN HÀNG Á CHÂU
ASIA COMMERCIAL BANK**

**ABC
Mã GDV: BATCH
Mã KH: 25877**

GIẤY BÁO CÓ

Ngày 16/12/2013

Kính gửi: Công ty CPTM Hải Việt

Hôm nay, chúng tôi xin báo đã ghi Có tài khoản của quý khách hàng với nội dung sau:

Số TK ghi Có: 4452462

Số tiền bằng số: 77.000.000

Số tiền bằng chữ: bảy mươi bảy triệu đồng chẵn

Nội dung: Công ty TNHH Tân Hiệp thanh toán tiền hàng

Giao dịch viên

Kiểm soát

Biểu 2.5

Công ty Cổ phần Thương mại Hải Việt

Mẫu số S03a-DNN
Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC
ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC

SỔ NHẬT KÝ CHUNG
Năm 2013

Đơn vị tính: đồng

Ngày Tháng Ghi Sổ	Chứng từ		Diễn giải	Đã ghi số cái	STT dòng	SH TK Đối ứng	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng					Nợ	Có
.....
01/12	HĐ 9876	01/12	Nhập kho dầu nành 1 lít chưa thanh toán			156 133 331	28.000.000 2.800.000	30.800.000
15/12	PXK 468	15/12	Xuất kho bán dầu cho công ty TNHH Hoa Lan			632 156	5.800.000	5.800.000
15/12	PT 528	15/12	Doanh thu bán dầu cho công ty TNHH Hoa Lan			111 511 3331	8.800.000	8.000.000 800.000
16/12	PXK 469	16/12	Xuất kho bán dầu cho công ty TNHH Tân Hiệp			632 156	61.425.000	61.425.000
16/12	GBC 1612	16/12	Doanh thu bán dầu cho công ty TNHH Tân hiệp			112 511 3331	77.000.000	70.000.000 7.000.000
.....
			Cộng số phát sinh				84.291.153.400	84.291.153.400

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Người ghi sổ
(ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, họ tên)

Giám đốc
(ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu 2.6

Công ty Cổ phần Thương mại Hải Việt

Mẫu số S03b-DNN
Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC
ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC

SỔ CÁI

Năm 2013

Tên tài khoản: doanh thu bán hàng

Số hiệu :511

Đơn vị tính: đồng

Ngày Tháng Ghi Số	Chứng từ		Diễn giải	Nhật ký chung		SH TK Đối ứng	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng		Trang số	STT dòng		Nợ	Có
			Số phát sinh trong quý IV					
							
15/12	PT 528	15/12	Bán dầu cho công ty Hoa Lan			111		8.000.000
16/12	GBC 1612	16/12	Bán dầu bịch cho công ty Tân Hiệp			112		70.000.000
16/12	PT 529	16/12	Bán vụn thợ 0.4 lit cho cửa hàng Tuấn Hưng			111		2.950.000
17/12	HĐ 9528	17/12	Bán dầu 9 kg cho công ty An Hòa chưa thu tiền			131		22.750.000
19/12	HĐ 9529	19/12	Bán hàng cho trần lan hương			131		12.250.000
20/12	GBC 2012	20/12	Bán hàng cho cty CPTM Vạn Lộc			112		28.600.000
.....	
31/12	PKT 122	31/12	k/c doanh thu quý IV			911	2.685.500.000	
			Cộng số phát sinh quý IV				2.685.500.000	2.685.500.000
			Cộng phát sinh lũy kế cả năm				10.659.067.763	10.659.067.763

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Người ghi sổ
(ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, họ tên)

Giám đốc
(ký, họ tên, đóng dấu)

2.2.2 Kế toán giá vốn hàng bán

2.2.2.1 Nội dung giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán: là giá trị thực tế xuất kho của sản phẩm hàng hoá (hoặc gồm cả chi phí mua hàng phân bổ cho hoá đơn đã bán ra trong kỳ đối với doanh nghiệp thương mại) hoặc giá thành thực tế, dịch vụ hoàn thành và đã được xác định tiêu thụ và các khoản chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh được tính vào giá vốn hàng bán để xác định kết quả kinh doanh trong kỳ

Công ty tính giá vốn hàng bán theo phương pháp bình quân gia quyền liên hoàn.

Việc tính toán giá trị giá vốn hàng xuất bán có ý nghĩa vô cùng quan trọng bởi có tính toán đúng trị giá vốn hàng xuất bán mới xác định chính xác kết quả bán hàng. Do đó nếu không phản ánh đúng trị giá vốn sẽ dẫn tới kết quả bán hàng bị sai lệch đi.

$$\begin{array}{rcccl} \text{Trị giá vốn của hàng} & & \text{Số lượng hàng} & & \text{Đơn giá bình quân} \\ \text{hóa xuất kho} & = & \text{hóa xuất kho} & \times & \text{gia quyền} \end{array}$$

Phương pháp bình quân liên hoàn.

$$\begin{array}{rcc} \text{Đơn giá bình quân sau lần} & & \text{Trị giá hàng hóa tồn kho sau lần nhập thứ } i \\ \text{nhập } i & = & \frac{\text{Trị giá hàng hóa tồn kho sau lần nhập thứ } i}{\text{Số lượng hàng hóa thực tế tồn kho sau lần nhập } i} \end{array}$$

2.2.2.1 Chứng từ sử dụng

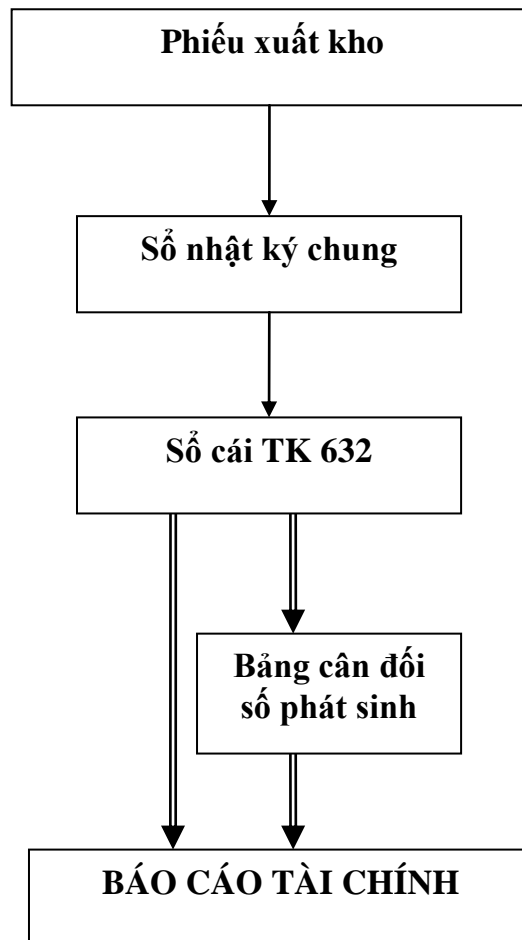
- Phiếu xuất kho
- Các chứng từ khác có liên quan.....

2.2.2.2 Tài khoản sử dụng

- TK 632: giá vốn hàng bán
- TK 156: hàng hóa
- TK 111,TK112

2.2.2.3 Quy trình hạch toán

Sơ đồ 2.5: Quy trình hạch toán giá vốn hàng bán tại công ty



Ghi chú:

—————> : Ghi hàng ngày

=====> : Ghi cuối tháng, hoặc định kỳ

2.2.2.4 Ví dụ minh họa

Ví dụ 1: Ngày 15 tháng 12 năm 2013 phát sinh nghiệp vụ bán 200 chai dầu vụn thò 0.4 lít và 100 chai vụn thò 1 lít cho công ty TNHH Hoa Lan thu tiền mặt số tiền 8.000.000 chưa thuế GTGT 10%. Giá vốn lô hàng là 5.800.000 đồng đã thu bằng tiền mặt

Tính đơn giá xuất kho theo phương pháp bình quân liên hoàn:

$$\text{Đơn giá xuất kho bình quân ngày 16/12} = \frac{2000*173.250+1000*180.000}{2000+1000} = 175.500\text{đ/thùng}$$

$$\text{Trị giá xuất kho ngày 16/12} = 350 * 175.500 = 61.425.000$$

Lấy lại ví dụ ngày 15/12/2013, bán hàng thu tiền mặt số tiền 8.800.000 đồng.

Căn cứ vào hóa đơn GTGT số 0009525(biểu số 2.1), phiếu xuất kho số 468(biểu 2.7), phiếu xuất kho số 469(biểu 2.8) kế toán ghi vào nhật ký chung(biểu 2.9), sau đó ghi vào sổ cái TK632 (biểu 2.10)

Biểu 2.7

Đơn vị: Cổ Phần Thương Mại Hải
Việt

Mẫu số 02-VT
(Ban hành theo QĐ số 48/2006-QĐ-BTC ngày
14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

PHIẾU XUẤT KHO

Ngày 15 tháng 12 năm 2013

Số :468

Tài khoản Nợ: 632

Tài khoản Có: 156

Họ tên người nhận hàng: Trần Anh Văn

Địa chỉ: Công ty TNHH Hoa Lan

Lý do xuất: Xuất bán hàng hóa

Xuất tại kho:

ST T	Tên, nhãn hiệu, quy cách	Mã số	Đơn vị tính	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Yêu cầu	Thực Xuất		
A	B	C	D	1	2	3	4=2*3
01	Dầu vận thọ 0.4 lít		Thùng	200	200	18.500	3.700.000
02	Dầu vận thọ 1 lít		Thùng	100	100	21.000	2.100.000
	Cộng						5.800.000

Tổng số tiền(viết bằng chữ): năm triệu tám trăm nghìn đồng chẵn

Ngày ... tháng ... năm....

Người lập phiếu
(Ký, họ tên)

Người nhận hàng
(Ký, họ tên)

Thủ kho
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên)

Biểu 2.8

Đơn vị: Cổ Phần Thương Mại Hải
Việt

Mẫu số 02-VT
(Ban hành theo QĐ số 48/2006-QĐ-BTC ngày
14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

PHIẾU XUẤT KHO

Ngày 16 tháng 12 năm 2013

Số :469

Tài khoản Nợ: 632

Tài khoản Có: 156

Họ tên người nhận hàng: Đoàn Thu Trang

Địa chỉ: Công ty TNHH Tân Hiệp

Lý do xuất: Xuất bán hàng hóa

Xuất tại kho:

STT	Tên, nhãn hiệu, quy cách	Mã số	Đơn vị tính	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Yêu cầu	Thực Xuất		
A	B	C	D	1	2	3	4=2*3
01	Dầu bịch 9kg cooking		Thùng	350	350	175.500	61.425.000
	Cộng						61.425.000

Tổng số tiền(viết bằng chữ): Sáu mươi một triệu bốn trăm hai mươi năm nghìn đồng chẵn.

Ngày ... tháng ... năm....

Người lập phiếu
(Ký, họ tên)

Người nhận hàng
(Ký, họ tên)

Thủ kho
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên)

Biểu 2.9:

Công ty Cổ phần Thương mại Hải Việt

Mẫu số S03a-DNN
Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC
ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2013

Đơn vị tính: đồng

Ngày Tháng Ghi Sổ	Chứng từ		Diễn giải	Đã ghi sổ cái	STT dòng	SH TK Đối ứng	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng					Nợ	Có
.....
01/12	HĐ 9876	01/12	Nhập kho dầu nành 1 lít chưa thanh toán			156 133 331	28.000.000 2.800.000	30.800.000
15/12	PXK 468	15/12	Xuất kho bán dầu cho công ty TNHH Hoa Lan			632 156	5.800.000	5.800.000
15/12	PT 528	15/12	Doanh thu bán dầu cho công ty TNHH Hoa Lan			111 511 3331	8.800.000	8.000.000 800.000
16/12	PXK 469	16/12	Xuất kho bán dầu cho công ty TNHH Tân Hiệp			632 156	61.425.000	61.425.000
16/12	GBC 1612	16/12	Doanh thu bán dầu cho công ty TNHH Tân hiệp			112 511 3331	77.000.000	70.000.000 7.000.000
.....
			Cộng số phát sinh				84.291.153.400	84.291.153.400

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Người ghi sổ
(ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, họ tên)

Giám đốc
(ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu 2.10:

Công ty Cổ phần Thương mại Hải Việt

Mẫu số S03b-DNN
Ban hành theo QĐ 48/2006/QĐ-BTC
ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC

SỔ CÁI
Năm 2013
Tên tài khoản: Giá vốn hàng bán
Số hiệu :632

Đơn vị tính: đồng

Ngày Tháng Ghi Sổ	Chứng từ		Diễn giải	Nhật ký chung		SH TK Đôi ứng	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng		Trang số	STT dòng		Nợ	Có
			Số phát sinh trong quý IV					
							
15/12	PXK468	15/12	Bán dầu vụn thỏ cho công ty Hoa Lan			156	5.800.00	
16/12	PXK469	16/12	Bán dầu bịch cho công ty Tân Hiệp			156	61.425.000	
16/12	PXK470	16/12	Bán vụn thỏ cho cửa hàng Tuấn Hưng			156	2.183.000	
17/12	PXK471	17/12	Bán dầu 9kg cho công ty An Hòa			156	21.525.000	
19/12	PXK472	19/12	Bán hàng cho Trần Lan Hương			156	8.825.000	
20/12	PXK473	20/12	Bán hàng cho cty CPTM Vạn Lộc			156	23.220.000	
20/12	PXK474	20/12	Bán cho công ty TNHH Thành Tây			156	75.605.000	
.....	
31/12	PKT 122	31/12	k/c giá vốn quý IV			911		2.605.550.000
			Cộng số phát sinh quý IV				2.305.550.000	2.305.550.000
			Cộng PS lũy kế cả năm				9.629.787.703	9.629.787.703

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Người ghi sổ
(ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, họ tên)

Giám đốc
(ký, họ tên, đóng dấu)

2.2.3 Kế toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính

2.2.3.1 Nội dung doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính

- Doanh thu hoạt động tài chính của Công ty bao gồm các khoản như lãi tiền gửi ngân hàng.
- Chi phí tài chính của Công Ty CPTM Hải Việt là khoản tiền trả lãi tiền vay trong quá trình hoạt động.

Nhưng trong năm 2013 Công ty không phát sinh nghiệp vụ liên quan tới chi phí tài chính.

2.2.3.2 Chứng từ sử dụng

- ✓ Phiếu trả lãi tài khoản
- ✓ Hợp đồng cho vay vốn kinh doanh
- ✓ Phiếu thu, giấy báo có
- ✓ Phiếu chi, giấy báo nợ hợp đồng vay vốn
- ✓ Các chứng từ khác có liên quan....

2.2.3.4 Tài khoản sử dụng

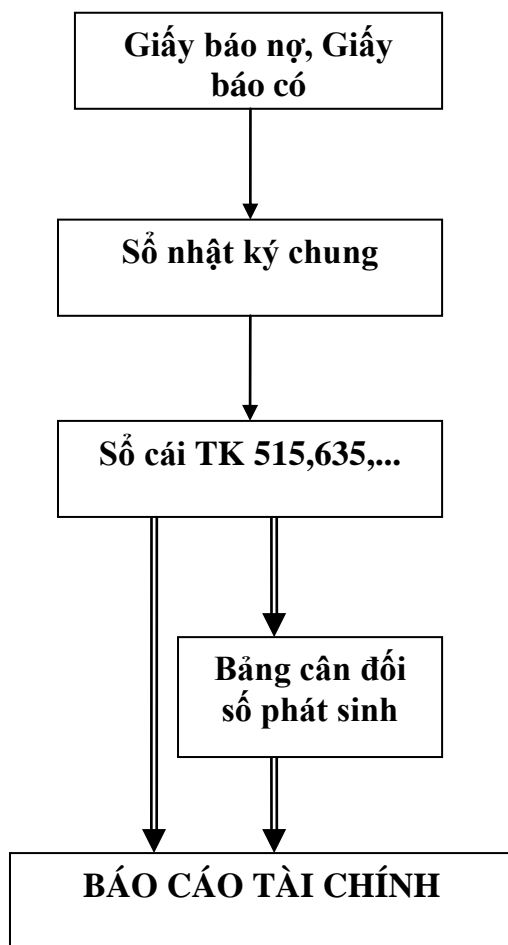
TK 515: Doanh thu hoạt động tài chính

TK 112: Tiền gửi ngân hàng

Và các tài khoản khác có liên quan.

2.2.3.5 Quy trình hạch toán

Sơ đồ 2.6: Quy trình hạch toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính tại Công ty



Ghi chú:

- > : Ghi hàng ngày
- =====> : Ghi cuối tháng, hoặc định kỳ

2.2.3.4 Ví dụ minh họa

Ngày 31/12/2013 công ty CPTM Hải Việt nhận được giấy báo có của Ngân hàng Á Châu ACB về tiền lãi nhận được số tiền 187.123 đồng.

Căn cứ vào giấy báo có của ngân hàng (biểu 2.11), kế toán phản ánh vào sổ nhật ký chung(biểu 2.12) sau đó vào sổ cái TK 515(biểu 2.13)

Biểu 2.11:

**NGÂN HÀNG Á CHÂU ASIA
COMMERCIAL BANK**

ABC
Mã GDV: BATCH
Mã KH: 25879

GIẤY BÁO CÓ

Ngày 31/12/2013

Kính gửi: Công ty CPTM Hải Việt

Hôm nay, chúng tôi xin báo đã ghi Có tài khoản của quý khách hàng với nội dung sau:

Số TK ghi Có: 4452485

Số tiền bằng số: 187.123

Số tiền bằng chữ: Chín trăm tám mươi bảy nghìn một trăm hai mươi ba đồng.

Nội dung: Lãi nhập vốn

Giao dịch viên

Kiểm soát

Biểu 2.12

Công ty Cổ phần Thương mại Hải Việt

Mẫu số S03a-DNN
Ban hành theo theo QĐ 48/2006/QĐ-BTC
ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC

SỔ NHẬT KÝ CHUNG
Năm 2013

Đơn vị tính: đồng

Ngày Tháng Ghi Sổ	Chứng từ		Diễn giải	Đã ghi số cái	STT dòng	SH TK Đối ứng	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng					Nợ	Có
.....
01/12	HĐ9876	01/12	Nhập kho dầu nành 1 lít chưa thanh toán			156 133 331	28.000.000 2.800.000	30.800.000
15/12	PXK 468	15/12	Xuất kho bán dầu cho công ty TNHH Hoa Lan			632 156	5.800.000	5.800.000
15/12	PT 528	15/12	Doanh thu bán dầu cho công ty TNHH Hoa Lan			111 511 3331	8.800.000	8.000.000 800.000
18/12	PC 686	18/12	Mua văn phòng phẩm			6422 133 111	1.536.037 153.604	1.689.641
31/12	BC2512	31/12	Thu tiền lãi từ ngân hàng ACB			112 515	187.123	187.123
.....	
Cộng số phát sinh							84.291.153.400	84.291.153.400

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Người ghi sổ
(ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, họ tên)

Giám đốc
(ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu 2.13

Công ty Cổ phần Thương mại Hải Việt

Mẫu số S03b -DNN
Ban hành theo theo QĐ 48/2006/QĐ-BTC
ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC

SỔ CÁI
Năm 2013
Tên tài khoản: doanh thu hoạt động tài chính
Số hiệu :515

Đơn vị tính: đồng

Ngày Tháng Ghi Sổ	Chứng từ		Diễn giải	Nhật ký chung		SH TK Đôi ứng	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng		Trang số	STT dòng		Nợ	Có
			Số phát sinh trong quý IV					
							
31/12	BC 3112	31/12	Thu tiền lãi từ ngân hàng ACB tháng 12			112		187.123
							
31/12	PKT 125	31/12	K/C doanh thu tài chính quý IV			911	761.372	
			Cộng số phát sinh quý IV				761.372	761.372
			Cộng PS lũy kế cả năm				2.485.303	2.485.303

Người ghi sổ
(ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2013
Giám đốc
(ký, họ tên, đóng dấu)

2.2.4 Kế toán chi phí quản lý kinh doanh

2.2.4.1 Nội dung chi phí quản lý kinh doanh

- ✓ Chi phí bán hàng tại Công ty cổ phần thương mại Hải Việt bao gồm chi phí về lương nhân viên bán hàng, chi phí khấu hao TSCĐ dùng cho bộ phận bán hàng...
- ✓ Chi phí quản lý doanh nghiệp tại Công ty cổ phần thương mại Hải Việt bao gồm chi phí về lương nhân viên bộ phận QLDN chi phí về đồ dùng văn phòng....

2.2.4.2 Chứng từ sử dụng

- ✓ Hoá đơn GTGT
- ✓ Phiếu chi, giấy báo nợ ngân hàng
- ✓ Bảng phân bổ tiền lương và các khoản trích theo lương
- ✓ Bảng tính và phân bổ khấu hao TSCĐ
- ✓ Các chứng từ khác có liên quan...

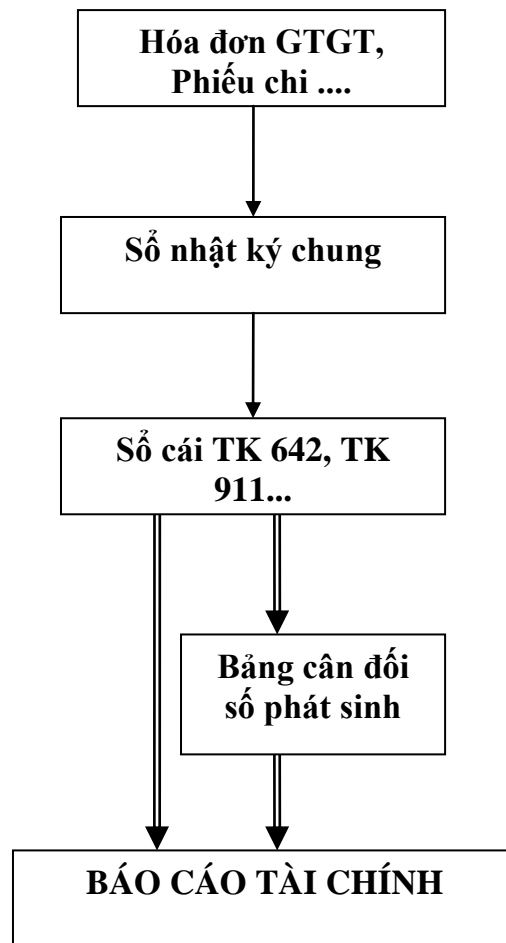
2.2.4.3 Tài khoản sử dụng

- TK642: Chi phí quản lý kinh doanh
Tài khoản 642 tại công ty chi tiết thành:
 - + Tài khoản 6421: Chi phí bán hàng
 - + Tài khoản 6422: Chi phí quản lý doanh nghiệp
- Các TK liên quan khác như: TK 111, TK 112, TK 131....

2.2.4.4 Quy trình hạch toán

Quy trình hạch toán được mô tả như sau:

Sơ đồ 2.7: Quy trình hạch toán chi phí quản lý kinh doanh tại Công ty



Ghi chú:

- > : Ghi hàng ngày
- =====> : Ghi cuối tháng, hoặc định kỳ

2.2.4.4 Ví dụ minh họa:

Ngày 18/12/2013 công ty cổ phần TM Hải Việt thanh toán mua văn phòng phẩm phục vụ bộ phận quản lý doanh nghiệp số tiền 1.536.000 đồng (chưa thuế GTGT) bằng tiền mặt.

Căn cứ hóa đơn GTGT (biểu 2.14) kế toán phản ánh vào phiếu chi (biểu 2.15), sau đó phản ánh vào sổ nhật ký chung (biểu 2.16), sổ cái TK 642(biểu 2.17).

Biểu 2.15:

Đơn vị: **Cổ Phần Thương Mại Hải
Việt**

Mẫu số 01-TT
(Ban hành số: 01/01 theo QĐ số 48/2006-QĐ-BTC
ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

PHIẾU CHI

Ngày 18 tháng 12 năm 2013

Quyển số: 23
Số: 686

Nợ TK 6422: 1.536.037 VND
Nợ TK 133: 153.604 VND
Có TK 111: 1.689.641 VND

Họ và tên người nhận : *Lê Thị Hoa*

Địa chỉ: *An Đông, An Dương, HP*

Lý do thu: *Mua văn phòng phẩm*

Số tiền: 1.689.600

Viết bằng chữ: một triệu sáu trăm tám mươi chín nghìn sáu trăm đồng chẵn

(Kèm theo 01 chứng từ gốc)

Ngày 18 tháng 12 năm 2013

Giám đốc
(Ký, đóng
dấu)

**Kế toán
trưởng**
(Ký, họ tên)

**Người lập
phiếu**
(Ký, họ tên)

Thủ quỹ
(Ký, họ tên)

**Người nhận
tiền**
(Ký, họ tên)

Biểu 2.16:

Công ty Cổ phần Thương mại Hải Việt

Mẫu số S03a -DNN
Ban hành theo QĐ 48/2006/QĐ-BTC
ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2013

Đơn vị tính: đồng

Ngày Tháng Ghi Số	Chứng từ		Diễn giải	Đã ghi sổ cái	STT dòng	SH TK Đối ứng	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng					Nợ	Có
.....
01/12	HĐ9876	01/12	Nhập kho dầu nành 1 lít chưa thanh toán			156 133 331	28.000.000 2.800.000	30.800.000
15/12	PXK 468	15/12	Xuất kho bán dầu cho công ty TNHH Hoa Lan			632 156	5.800.000	5.800.000
15/12	PT 528	15/12	Doanh thu bán dầu cho công ty TNHH Hoa Lan			111 511 3331	8.800.000	8.000.000 800.000
16/12	PXK 469	16/12	Xuất kho bán dầu cho công ty TNHH Tân Hiệp			632 156	61.425.000	61.425.000
18/12	PC 686	18/12	Chi tiền mua văn phòng phẩm			6422 133 111	1.536.000 153.600	1.689.600
.....	
			Cộng số phát sinh				84.291.153.400	84.291.153.400

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Người ghi sổ
(ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, họ tên)

Giám đốc
(ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu 2.17:

Công ty Cổ phần Thương mại Hải Việt

Mẫu số S03b -DNN
Ban hành theo QĐ 48/2006/QĐ-BTC
ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC

SỔ CÁI

Năm 2013

Tên tài khoản: chi phí quản lý kinh doanh

Số hiệu :642

Đơn vị tính: đồng

Ngày Tháng Ghi Sổ	Chứng từ		Diễn giải	Nhật ký chung		SH TK Đôi ứng	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng		Trang số	STT dòng		Nợ	Có
			Số phát sinh trong quý IV					
							
18/12	PC 686	18/12	Chi tiền mua văn phòng phẩm			111	1.536.000	
19/12	PC 687	19/12	Thanh toán tiền nước			111	354.200	
21/12	PC 688	21/12	Chi tiền tiếp khách			111	625.000	
.....	
31/12	PKT 122	31/12	K/c chi phí quản lý kinh doanh			911		389.502.901
			Cộng số phát sinh quý IV				389.502.901	389.502.901
			Cộng phát sinh lũy kế cả năm				1.041.115.163	1.041.115.163

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Người ghi sổ
(ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, họ tên)

Giám đốc
(ký, họ tên, đóng dấu)

2.2.5 Kế toán thu nhập khác và chi phí khác

2.2.5.1 Nội dung thu nhập khác và chi phí khác

- thu nhập khác

Thu nhập khác là các khoản thu nằm ngoài các khoản thu trên. Tại công ty các khoản thu khác phát sinh không nhiều chủ yếu là từ thanh lý, nhượng bán tài sản

- chi phí khác

Chi phí khác là những khoản chi không thuộc hoạt động sản xuất kinh doanh hay hoạt động tài chính, Cũng giống như thu nhập khác, chi phí khác của công ty cũng chỉ là một con số nhỏ, chủ yếu là chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ, giá trị còn lại của TSCĐ thanh lý.

Nhưng trong năm 2013 Công ty không phát sinh nghiệp vụ liên quan tới thu nhập khác và chi phí khác

2.2.6 Kế toán xác định kết quả kinh doanh

2.2.6.1 Nội dung xác định kết quả kinh doanh

Bất cứ một doanh nghiệp nào khi tiến hành hoạt động sản xuất kinh doanh đều quan tâm đến hiệu quả kinh doanh, Công ty cổ phần TM Hải Việt cũng không nằm ngoài quan điểm trên, kết quả kinh doanh của công ty chính là kết quả bán hàng

2.2.6.2 Chứng từ sử dụng

- Sổ nhật ký chung
- Các sổ cái liên quan: 511, 515, 632, 642...

2.2.6.3 Tài khoản sử dụng

TK 911: xác định kết quả kinh doanh

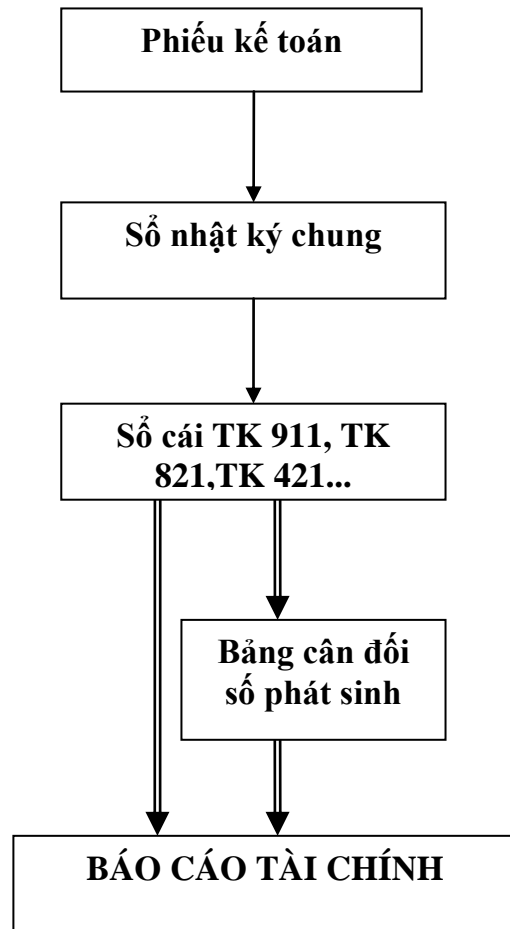
TK 421: lợi nhuận chưa phân phối

TK 511: doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

TK 632: giá vốn hàng bán

2.2.6.3 Quy trình hạch toán

Sơ đồ 2.9: Quy trình hạch toán xác định kết quả kinh doanh tại Công ty

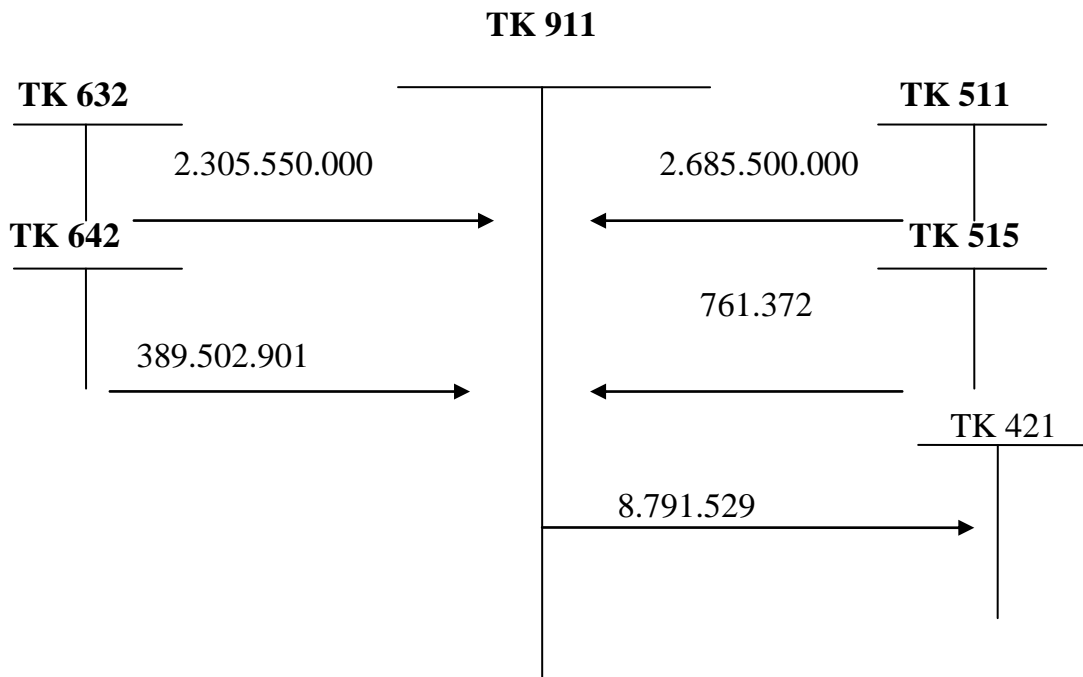


Ghi chú:

—————> : Ghi hàng ngày

=====> : Ghi cuối tháng, hoặc định kỳ

Kết quả xác định kết quả kinh doanh quý 4/2013 được khái quát qua sơ đồ sau:



Cuối tháng căn cứ vào các bút toán thực hiện kết chuyển, các phiếu kế toán để ghi sổ cái TK 911, TK 421 .

$$\text{Khi đó, kết quả kinh doanh} = 2.685.500.000 + 761.372 - 2.305.550.000 - 389.502.901 = - 8.791.529 < 0$$

➤ Kết quả kinh doanh của doanh nghiệp trong quý IV là lỗ

Cuối quý, tập hợp số liệu từ sổ sách, kế toán lập phiếu ghi có TK 911(Biểu 2.18), phiếu ghi nợ TK 911(Biểu 2.19), phiếu ghi nợ TK421(biểu 2.20)

Căn cứ vào phiếu kế toán kế toán ghi vào nhật ký chung(Biểu 2.21). Từ sổ Nhật ký chung kế toán ghi vào sổ cái TK 911(biểu 2.22), TK421(biểu 2.23)

Cuối kỳ, từ sổ cái tài khoản được sử dụng để lập bảng cân đối số phát sinh, số liệu từ bảng cân đối số phát sinh và bảng tổng hợp chi tiết sẽ được sử dụng để lập Báo cáo tài chính.(Biểu 2.24)

Biểu 2.18:

Công ty Cổ Phần Thương Mại Hải Việt
Số 153 Quang Trung, Hồng Bàng, Hải Phòng

PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Số: PKT 122

STT	Nội dung	TK nợ	TK có	Số tiền
	Ghi có TK 911			
1	K/c Doanh thu bán hàng	511	911	2.685.500.000
2	K/c Doanh thu tài chính	515	911	761.372
	Cộng			2.686.261.372

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

NGƯỜI LẬP BIỂU

Biểu 2.19:

Công ty Cổ Phần Thương Mại Hải Việt
Số 153 Quang Trung, Hồng Bàng, Hải Phòng

PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Số: PKT 123

STT	Nội dung	TK nợ	TK có	Số tiền
	Ghi nợ TK 911			
1	K/c giá vốn hàng bán	911	632	2.305.550.000
2	K/c Chi phí quản lý kinh doanh	911	642	389.502.901
	Cộng			2.695.052.901

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

NGƯỜI LẬP BIỂU

Biểu 2.20:

Công ty Cổ Phần Thương Mại Hải Việt
Số 153 Quang Trung, Hồng Bàng, Hải Phòng

PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Số: PKT 124

STT	Nội dung	TK nợ	TK có	Số tiền
1	K/c lỗ	421	911	8.791.529
	Cộng			8.791.529

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

NGƯỜI LẬP BIỂU

Biểu 2.21:

Công ty Cổ phần Thương mại Hải Việt

Mẫu số S03a -DNN
Ban hành theo QĐ 48/2006/QĐ-BTC
ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC

SỔ NHẬT KÝ CHUNG
Năm 2013

Đơn vị tính: đồng

Ngày Tháng Ghi Số	Chứng từ		Diễn giải	Đã ghi sổ cái	STT đồng	SH TK Đối ứng	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng					Nợ	Có
.....
31/12	PKT 122	31/12	Kết chuyển doanh thu quý IV			511 515 911	2.685.500.000 761.372	2.686.261.372
31/12	PKT 123	31/12	Kết chuyển chi phí quý IV			911 642 632	2.695.052.901	389.502.901 2.305.550.000
31/12	PKT 124	31/12	Kết chuyển lỗ			421 911	8.791.529	8.791.529
.....
			Cộng số phát sinh				84.291.153.400	84.291.153.400

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Người ghi sổ
(ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, họ tên)

Giám đốc
(ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu 2.22:

Công ty Cổ phần Thương mại Hải Việt

Mẫu số S03b -DNN
Ban hành theo QĐ 48/2006/QĐ-BTC
ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC

SỔ CÁI
Năm 2013
Tên tài khoản: Xác định kết quả kinh doanh
Số hiệu :911

Đơn vị tính: đồng

Ngày Tháng Ghi Sổ	Chứng từ		Diễn giải	Nhật ký chung		SH TK Đối ứng	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng		Trang số	STT dòng		Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ					
			Số phát sinh trong quý IV					
							
31/12	PKT 122	31/12	Kết chuyển doanh BH Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính			511 515		2.685.500.000 761.372
31/12	PKT 123	31/12	Kết chuyển giá vốn hàng bán Kết chuyển chi phí quản lý kinh doanh			632 642	2.605.550.000 89.502.901	
31/12	PKT 124	31/12	Kết chuyển lỗ			421		8.791.529
			Cộng phát sinh quý IV				2.695.052.901	2.695.052.901
			Cộng phát sinh lũy kế cả năm				10.670.902.866	10.670.902.866

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Người ghi sổ
(ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, họ tên)

Giám đốc
(ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu 2.23:

Công ty Cổ phần Thương mại Hải Việt

Mẫu số S03b -DNN
Ban hành theo QĐ 48/2006/QĐ-BTC
ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC

SỔ CÁI
Năm 2013
Tên tài khoản: Lợi nhuận chưa phân phối
Số hiệu :421

Đơn vị tính: đồng

Ngày Tháng Ghi Sổ	Chứng từ		Diễn giải	Nhật ký chung		SH TK Đối ứng	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng		Trang số	STT dòng		Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ					18.141.329
			Số phát sinh trong quý IV					
31/12	PKT 124	31/12	Kết chuyển lỗ quý IV			911	8.791.529	
			Cộng số phát sinh quý IV				8.791.529	
			Số dư cuối kỳ				9.349.800	

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Người ghi sổ
(ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, họ tên)

Giám đốc
(ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu 2.24:

Công ty Cổ phần Thương mại Hải Việt

Mẫu số B 02 -DNN
Ban hành theo QĐ 48/2006/QĐ-BTC
ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2013

Đơn vị tính: đồng

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý này	Quý trước
A	B	C	1	2
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.20	10.659.067.763	
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02			
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	VI.21	10.659.067.763	
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.22	9.629.787.703	
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20	VI.23	1.029.280.060	
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.24	2.485.303	
7. Chi phí tài chính	22			
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23			
8. Chi phí quản lý kinh doanh	24	VI.25	1.041.115.163	
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + 21 - 22 - 24)	30	VI.26	(9.349.800)	
10. Thu nhập khác	31			
11. Chi phí khác	32			
12. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40			
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50	VI.27	(9.349.800)	
14. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	51			
15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51)	60			

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

CHƯƠNG 3

MỘT SỐ GIẢI PHÁP NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI HẢI VIỆT

3.1 ĐÁNH GIÁ CHUNG VỀ CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI HẢI VIỆT

Trong nền kinh tế thị trường ngày nay, các doanh nghiệp chịu tác động không nhỏ đến từ những biến động của nền kinh tế. Vì vậy, một doanh nghiệp có thể tồn tại và phát triển được đòi hỏi nhà quản trị doanh nghiệp phải có những chiến lược kinh doanh đúng đắn. Để phục vụ cho công tác quản lý, các nhà quản trị đưa ra được những quyết định chính xác góp phần nâng cao hiệu quả kinh doanh. Để làm được điều đó việc tổ chức bộ máy kế toán góp một phần không nhỏ. Trong thời gian thực tập tại Công ty cổ phần thương mại Hải Việt em nhận thấy công tác kế toán nói chung, công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả hoạt động kinh doanh nói riêng tại công ty có những ưu điểm và nhược điểm sau đây :

3.1.1 Ưu điểm

a) Đánh giá chung về công tác kế toán tại công ty

- Về bộ máy kế toán : Công tác kế toán tại công ty được tổ chức theo mô hình tập trung, đảm bảo sự thống nhất trong quản lý. Các kế toán viên được phân công nhiệm vụ rõ ràng, phù hợp với chuyên môn của mình. Đội ngũ nhân viên kế toán là những người có kinh nghiệm, có chuyên môn cao, có tinh thần trách nhiệm với công việc được giao.

- Về hình thức kế toán: công ty áp dụng hình thức “Nhật ký Chung” đơn giản mà hiệu quả phản ánh được kịp thời, chính xác những nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Chứng từ, tài khoản sổ sách kế toán sử dụng theo đúng quyết định 48 của Bộ tài chính ban hành ngày 14 tháng 09 năm 2006. Chứng từ đảm bảo sự chính xác về nội dung,

quy trình luân chuyển chứng từ khoa học tạo điều kiện cho công tác ghi sổ kế toán. Cuối tháng kế toán tiến hành đóng chứng từ, sổ sách và lưu trữ cẩn thận.

Công ty tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng : Phương pháp khấu hao này có ưu điểm là việc tính toán đơn giản, tổng mức khấu hao của TSCĐ được phân bổ đều đặn trong các năm sử dụng TSCĐ và không gây ra sự đột biến trong giá sản phẩm hàng năm.

Tính giá xuất kho theo phương pháp bình quân gia quyền liên hoàn: theo phương pháp này mỗi lần nhập hàng đơn giá được tính lại theo phương pháp bình quân để áp dụng cho những lần xuất kế tiếp, tiện cho việc quản lý hàng tồn kho về mặt trị giá.

b) Đánh giá về công tác kế toán doanh thu, chi phí và doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty

Hiện nay công ty đang áp dụng quyết định 48/2006/QĐ-BTC của bộ tài chính.

Về các chứng từ liên quan đến công tác hạch toán doanh thu, chi phí, xác định kết quả kinh doanh: như hóa đơn GTGT, phiếu thu, phiếu chi, bảng chấm công, bảng tính và phân bổ khấu hao TSCĐ, bảng phân bổ CCDC dài hạn được kế toán phân loại và tiến hành ghi sổ theo đúng nội dung phân hành kế toán , tạo điều kiện cho việc đưa ra các báo cáo tài chính chính xác kịp thời, phục vụ đắc lực cho công tác quản lý công ty.

Về công tác kế toán doanh thu: Mọi nghiệp vụ bán hàng đều được kế toán ghi nhận vào doanh thu một cách kịp thời, đầy đủ, chính xác về nội dung. Khi bán hàng kế toán bán hàng tiến hành lập hóa đơn GTGT thành 3 liên, liên 1 lưu tại quyền, liên 2 giao cho khách hàng, liên 3 lưu nội bộ làm căn cứ để ghi sổ kế toán.

Về công tác kế toán giá vốn: công ty hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên, tính giá xuất kho theo phương pháp bình quân gia quyền liên hoàn nhờ vào đó giá vốn được cập nhật kịp thời trong phiếu xuất kho tạo điều kiện cho công tác hạch toán giá vốn.

Về công tác kế toán chi phí tài chính và doanh thu tài chính: kế toán hạch toán chi phí tài chính và doanh thu tài chính rất rõ ràng, khoa học, do các khoản doanh thu tài chính, chi phí tài chính của công ty chủ yếu đến từ lãi tiền gửi và lãi tiền vay

nên qua việc theo dõi tốt tài khoản 635 nhà quản trị có thể kiểm soát được chi phí lãi vay trong doanh nghiệp.

Về công tác kế toán chi phí khác và thu nhập khác: kế toán theo dõi tốt 2 tài khoản chi phí khác và thu nhập khác đã giúp cho nhà quản trị quản lý được các khoản doanh thu bất thường và chi phí bất thường trong doanh nghiệp.

Về công tác xác định kết quả hoạt động kinh doanh tại công ty: do kế toán đã quản lý, theo dõi tốt những khoản doanh thu, chi phí đề cập ở trên vì thế công tác kế toán xác định kết quả hoạt động kinh doanh được thực hiện 1 cách dễ dàng cung cấp cho giám đốc những thông tin kế toán chính xác kịp thời qua đó nâng cao hiệu quả kinh doanh của công ty.

3.1.2. Một số mặt còn hạn chế trong công tác kế toán doanh thu, chi phí và doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty

Bên cạnh những ưu điểm đề cập ở trên Công ty Cổ Phần Thương mại Hải Việt còn tồn tại những mặt hạn chế sau đây:

❖ Về công tác kế toán

Công ty Cổ Phần Thương mại Hải Việt là một công ty với khối lượng chứng từ và công việc kế toán không lớn tuy nhiên công ty chưa sử dụng phần mềm kế toán vì thế không tạo được điều kiện thuận lợi nhất cho kế toán đưa ra những thông tin kế toán kịp thời, chính xác cho nhà quản trị.

❖ Về hệ thống sổ chi tiết

Kế toán nên hạch toán chi tiết cho từng loại hàng hóa bán ra vì thông qua doanh thu và giá vốn của từng mặt hàng, ta có thể xác định được lãi gộp của từng mặt hàng. Đồng thời hệ thống sổ chi tiết còn giúp doanh nghiệp kiểm tra kết quả từ khâu nhập hàng hóa đến khâu tiêu thụ hàng hóa như thế nào để từ đó vạch ra các kế hoạch tiết kiệm chi phí mà vẫn đạt được hiệu quả, chất lượng hàng hóa tốt tạo sức cạnh tranh trên thị trường của công ty

❖ Về trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi

Là một doanh nghiệp thương mại nên quy mô các khoản phải thu khách hàng là khá lớn mà việc thanh toán của khách hàng còn chậm, thậm chí còn nhiều khách hàng mất khả năng thanh toán. Vì vậy việc công ty không lập khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi để tránh những rủi ro là một hạn chế lớn của doanh nghiệp

❖ Về việc thu hồi công nợ:

Trong điều kiện hiện nay, công ty phải cạnh tranh gay gắt giữa các công ty cạnh tranh cùng ngành hàng, việc tìm kiếm và thu hút khách hàng về phía mình là vấn đề mang tính sống còn đối với sự tồn tại và phát triển sống còn của công ty. Bên cạnh đó biện pháp thu hồi công nợ đóng vai trò đặc biệt quan trọng biện pháp đó vừa đảm bảo cho việc thu hồi công nợ được diễn ra một cách nhanh chóng, không để cho khách hàng chiếm dụng vốn của công ty lâu quá, lại vừa duy trì được mối quan hệ với khách hàng cũ, vừa mở rộng quan hệ với khách hàng mới.

❖ Về chính sách bán hàng

Công ty đã có liên kết với các siêu thị, nhà hàng khách sạn để tăng doanh thu, tuy nhiên chính sách quảng cáo của công ty còn hạn chế nên lượng khách chưa nhiều

3.2 MỘT SỐ ĐỀ XUẤT NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI HẢI VIỆT

3.2.1. Tầm quan trọng của việc hoàn thiện những hạn chế trong công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả hoạt động kinh doanh tại công ty

Trong xu thế phát triển của thế giới hiện nay cùng với quá trình hội nhập và quốc tế hóa, mở ra nhiều cơ hội cho các doanh nghiệp trong nước được giao lưu, buôn bán trao đổi với các doanh nghiệp nước ngoài. Không những thế nó cũng tạo ra những áp lực và thách thức lớn đối với các doanh nghiệp trong nước, vì thế để có thể tồn tại và phát triển được các doanh nghiệp phải không ngừng vận động, mở rộng thị trường và việc hoàn thiện công tác quản lý sản xuất kinh doanh - một yếu tố quan trọng nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, đặc biệt là công tác kế toán trong doanh nghiệp.

Vì thế doanh nghiệp nên có những giải pháp giải quyết những hạn chế còn tồn tại trong công tác kế toán nói chung và công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả hoạt động kinh doanh nói riêng. Những mặt còn hạn chế trên liên quan đến công tác tập hợp chi phí sản xuất kinh doanh tại công ty vì thế nó ảnh hưởng rất lớn đến kết quả kinh doanh của doanh nghiệp.

3.2.2. Ý nghĩa của việc hoàn thiện những hạn chế trong công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả hoạt động kinh doanh

Đối với công ty nếu quản lý tốt công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh sẽ giúp các nhà quản trị quản lý, theo dõi được tình hình tiêu thụ và sử dụng chi phí kinh doanh của toàn công ty. Từ đó công ty sẽ có những biện pháp để thúc đẩy tiêu thụ, kiểm soát chặt chẽ chi phí, xác định kết quả hoạt động kinh doanh một cách chính xác, phân phối thu nhập cho người lao động hợp lý, làm cho người lao động hăng say hơn trong lao động.

Đối với công tác kế toán, công tác kế toán doanh thu chi phí và xác định kết quả hoạt động kinh doanh là một phần quan trọng, nó thể hiện kết quả kinh doanh cuối kỳ của doanh nghiệp vì thế việc hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả hoạt động kinh doanh sẽ giúp kế toán đưa ra những thông tin kế toán chính xác hơn và tạo niềm tin cho nhà quản trị khi sử dụng thông tin kế toán.

3.2.3. Nguyên tắc và điều kiện tiến hành hoàn thiện những hạn chế trong công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.

Việc hoàn thiện những hạn chế cần dựa vào những nguyên tắc sau:

Nguyên tắc thống nhất

Đảm bảo sự thống nhất từ trung ương đến cơ sở.

Đảm bảo sự thống nhất giữa các chỉ tiêu mà kế toán phản ánh.

Đảm bảo sự thống nhất về chứng từ, tài khoản, sổ sách và phương thức hạch toán.

- ✓ Thực hiện đúng chế độ nhà nước
- ✓ Tiếp cận những chuẩn mực quốc tế phù hợp với điều kiện doanh nghiệp.
- ✓ Đảm bảo cung cấp chính xác, kịp thời về mọi mặt của hoạt động tài chính trong doanh nghiệp, phục vụ cho công tác quản trị doanh nghiệp.

3.2.4. Một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.

Trong thời gian thực tập tại Công ty cổ phần thương mại Hải Việt em đã có cơ hội tiếp cận và đối chiếu giữa công tác kế toán thực tế với những lý thuyết được học ở trường. Em xin đưa ra một số đề xuất để hoàn thiện những hạn chế còn tồn tại ở công ty như sau:

3.2.4.1 Hiện đại hoá công tác kế toán

Công ty nên sử dụng phần mềm kế toán để tạo điều kiện tốt nhất cho kế toán viên hoàn thành nhiệm vụ của mình và đưa ra những thông tin kế toán chính xác và kịp thời hơn. Trên thị trường ngày nay có rất nhiều phần mềm kế toán như :

Phần mềm Kế toán Doanh nghiệp vừa và nhỏ MISA SME.NET 2012



MISA SME.NET 2012

Phần mềm kế toán MISA SME.NET 2012 gồm 13 phân hệ, được thiết kế dành cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ, với mục tiêu giúp doanh nghiệp không cần đầu tư nhiều chi phí, không cần hiểu biết nhiều về tin học và kế toán mà vẫn có thể sở hữu và làm chủ được hệ thống phần mềm kế toán, quản lý mọi nghiệp vụ kinh tế phát sinh của mình. Với MISA SME.NET 2012 doanh nghiệp có thể kiểm soát được số liệu trực tuyến tại bất cứ đâu, bất cứ khi nào thông qua Internet. Đặc biệt, MISA SME.NET 2012 hỗ trợ doanh nghiệp tạo mẫu, phát hành, in, quản lý và sử dụng hóa đơn theo Nghị định 51/2010/NĐ-CP.

Giá: 9,950,000.00 đ

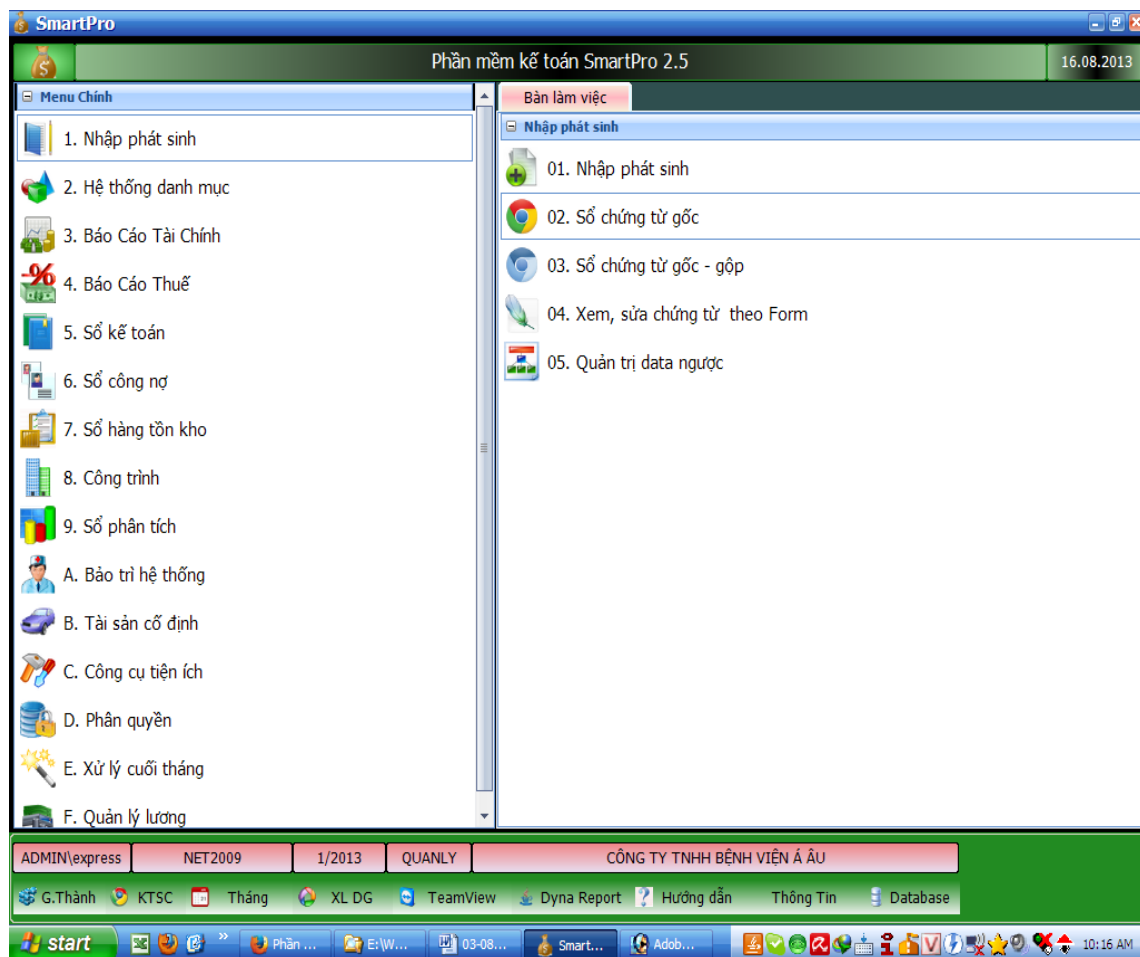
Các phân hệ của MISA



Phần mềm kế toán thương mại smart



Giá: 9.000.000đ



Chức năng kế toán thương mại trong phần mềm kế toán Smart

Sau đây tôi xin giới thiệu chức năng của phần mềm kế toán thương mại, phục vụ rất tốt cho các ngành về thương mại rất tốt:

- Theo dõi doanh thu theo vùng miền, theo nhóm khách hàng
- Khai báo đơn giá bán theo vùng và theo nhóm đối tượng
- Theo dõi chi tiết và tổng hợp công nợ theo từng tài khoản, từng khách hàng, từng hợp đồng, từng hóa đơn, theo hàng hóa, in bảng đối chiếu và xác nhận công nợ, báo cáo lịch thu tiền...
- Theo dõi hàng tồn kho theo mặt hàng, theo lô và hạn sử dụng, theo nhiều kho, xử lý đơn giá hàng tồn kho theo nhiều phương pháp khác nhau....
- Phân tích doanh thu theo thời điểm, theo dõi hàng bán bị trả lại, báo cáo doanh số theo từng nhân viên, lập biểu đồ phân tích doanh số bán hàng...
- Trích khấu hao TSCD và CPCPB theo từng bộ phận, theo dõi chi phí theo từng bộ phận tự động.

- Tổng hợp doanh thu và chi phí theo từng mặt hàng, nhóm hàng, từng nhân viên, hợp đồng...
- In báo cáo nhanh theo yêu cầu, in sổ kế toán hàng loạt với 1 thao tác
- Xử lý chênh lệch tỷ giá tự động, in sổ nhật kí mua hàng và bán hàng theo từng ngày...
- Quản lí chiết khấu theo khách hàng, theo mặt hàng...
- Cảnh báo tuổi nợ từng khách hàng, cảnh báo hạn sử dụng từng mặt hàng.

Junsky SME: Phần mềm kế toán doanh nghiệp

Junsky SME là phần mềm kế toán được thiết kế phù hợp với chuẩn mực kế toán Việt Nam, luôn được cập nhật theo thông tư và quyết định mới nhất của bộ tài chính. Dữ liệu có thể được Import từ Excel, Access, XML, ... vào chương trình hoặc ngược lại, Export dữ liệu từ phần mềm ra Excel, Acces, XML, ... thông qua các template đơn giản.

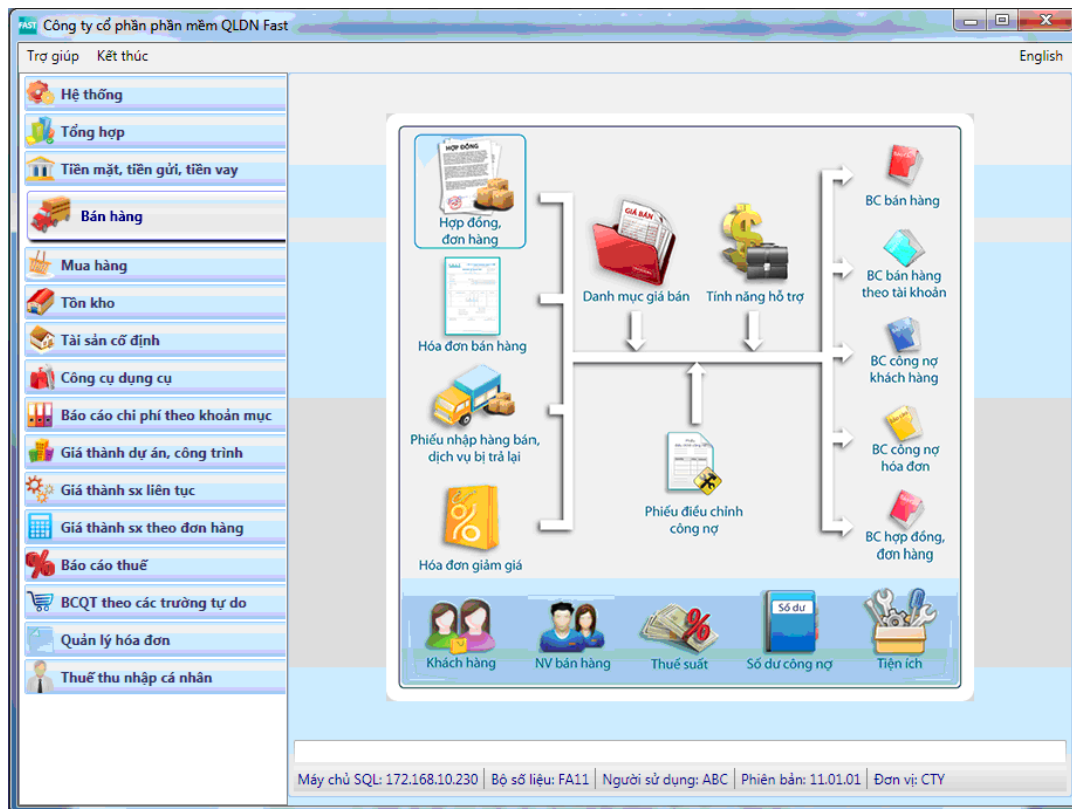
The screenshot displays the Junsky SME software interface. On the left, there is a menu with categories like 'KẾ TOÁN TỔNG HỢP', 'Nhập liệu', and 'Bảo cáo'. Below the menu, there are fields for 'Người nộp thuế', 'Mã số thuế', 'Địa chỉ', and 'Điện thoại'. A table with 10 rows is visible, listing various business activities and their associated costs. The main area shows two flowcharts: 'Nghiep vu' (Business Processes) and 'He thong' (System). The 'Nghiep vu' flowchart includes boxes for 'Hóa Đơn Bán Hàng', 'Phiếu Nhập Nội Bộ', 'Phiếu Xuất Nội Bộ', 'Hóa Đơn Mua Hàng', 'Hàng Bán Bị Trả Lại', 'Điều Chuyển Tiền Kho', 'Bút Toán Nhật Ký', 'Lắp Ráp Phân rã', and 'Trả Lại Hàng Mua'. The 'He thong' flowchart includes boxes for 'Thiết Lập Hệ Thống', 'Cấp Quyền', 'Tạo Bút Toán Định Kỳ', 'Bảo Cáo Thuế', 'Bút Toán Khóa Sổ', 'Bảo Cáo Tài Chính', 'Khóa/Mở Khóa Chứng Từ', 'Hệ Thống Danh Mục', 'Thiết Lập Nghiệp Vụ', 'Tính và Áp Giá Vốn', and 'Sổ Sách Kế Toán'. On the right side, a table shows 'Số Lượng Sản Xuất' and 'Giá Thành Đơn Vị' for various items.

	Số Lượng Sản Xuất	Giá Thành Đơn Vị
1	1,900.00	17,693
2	79.00	277,381
3	1,580.00	15,835
4	5,282.00	39,153
5	1,634.00	43,790
6	1,038.00	60,350
7	232.00	65,561
8	2,123.00	77,106
9	8.00	88,582
10	92.00	164,956
11	1,859.00	104,025
12	28.00	193,898
13	1.00	214,269

- Phần mềm kế toán Junsky SME – phiên bản kế toán dành cho các doanh nghiệp thương mại, dịch vụ vừa và nhỏ, hỗ trợ tính giá thành theo phương pháp giản đơn. Junsky SME được thiết kế đơn giản, thân thiện, dễ sử dụng, phù hợp với thói quen sử dụng của người dùng Việt Nam.
- Màn hình nhập liệu đa giao diện cho phép người dùng mở nhiều cửa sổ để thao tác cùng lúc. Dữ liệu được lưu trữ và xử lý tập trung tạo nên sự thống nhất, liền mạch giữa các bộ phận: Mua hàng – Kho – Bán hàng – Công nợ – Kế toán.
- Mô hình thiết kế tập trung không chỉ giảm thiểu các khâu xử lý rời rạc hoặc trùng lặp, giúp tiết kiệm thời gian và nguồn lực. Là công cụ đặc lực phục vụ cho việc quản lý tài chính kế toán của doanh nghiệp trong mọi hoạt động kinh doanh.
- Junsky SME là phần mềm kế toán được thiết kế phù hợp với chuẩn mực kế toán Việt Nam, luôn được cập nhật theo thông tư và quyết định mới nhất của bộ tài chính. Dữ liệu có thể được Import từ Excel, Access, XML, ... vào chương trình hoặc ngược lại, Export dữ liệu từ phần mềm ra Excel, Acces, XML, ... thông qua các template đơn giản.

Phần mềm kế toán Fast Accounting: Fast Accounting là phần mềm kế toán dành cho các doanh nghiệp có quy mô vừa và nhỏ.

Fast Accounting được phát triển và liên tục hoàn thiện từ năm 1997, hiện có hơn 8.500 khách hàng và đạt nhiều giải thưởng khác nhau như BIT CUP, Sản phẩm được nhiều người sử dụng, CUP CNTT...



Đơn giá: 6.000.000đ – 8.000.000đ sử dụng cho doanh nghiệp dịch vụ - thương mại

Theo em công ty nên chọn phần mềm MISA SME.NET 2012

Vì MISA SME.NET 2012 là phần mềm kế toán cho phép doanh nghiệp thực hiện các nghiệp vụ: Quỹ, Ngân hàng, Mua hàng, Bán hàng, Thuế, Kho, TSCĐ, CCDC, Giá thành, Hợp đồng, Ngân sách, Cổ đông, Tổng hợp. Phần mềm tự động lập các báo cáo thuế có mã vạch và quản lý chặt chẽ hóa đơn tự in, đặt in, điện tử theo đúng quy định của Tổng cục Thuế. Kết nối với dịch vụ kê khai thuế qua mạng MTAX.VN để nộp báo cáo trực tiếp đến cơ quan Thuế. Đặc biệt, MISA SME.NET 2012 cập nhật Thông tư 156/2013/TT-BTC quy định sửa đổi các biểu mẫu thuế GTGT, TNDN, TTĐB, Thuế tài nguyên...

3.2.4.2 Hoàn thiện hệ thống số sách kế toán chi tiết tại Công ty

Khi hạch toán doanh thu bán hàng tại công ty cần hạch toán chi tiết doanh thu của từng loại mặt hàng bán ra nhằm nắm bắt chi tiết doanh thu tiêu thụ của từng mặt hàng. Từ đó, các cấp lãnh đạo có thể đưa ra được các chiến lược tiêu thụ hàng hóa như: marketing, tìm kiếm thị trường, tìm đối tác, Như vậy công ty nên mở sổ chi tiết bán hàng cho từng loại mặt hàng (**biểu 3.2**). Thông qua

doanh thu, giá vốn có thể tính được lãi gộp từng mặt hàng từ đó đưa ra những chiến lược phát triển sản phẩm.

Ví dụ 3.1: Lấy lại Ví dụ 2.1 ở chương 2 cùng với việc ghi sổ nhật ký chung, sổ cái 511 kế toán sẽ ghi vào sổ chi tiết bán hàng mở cho từng mặt hàng dầu Vạn Thọ (**Biểu 3.3**) như sau:

Biểu 3.2:

Công ty CP Thương Mại Hải Việt

Mẫu số S17-DNN
(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ - BTC
ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CHI TIẾT BÁN HÀNG

Tên sản phẩm (hàng hoá ,dịch vụ,bắt đầu sản đầu tư):.....

Năm.....

Quyển số :.....

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Doanh thu			Các khoản tính trừ	
	Số hiệu	Ngày tháng			Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Thuế	Khác (5212, 5231)
A	B	C	D	E	1	2	3=1x2	4	5
			Cộng số phát sinh - Doang thu thuần - Giá vốn hàngbán - Lãi gộp						

- Sổ này cótrang, đánh từ trang 01 đến trang.....

- Ngày mở sổ:

Người ghi sổ
(Ký ,họ tên)

Ngàytháng năm.....

Kế toán trưởng
(Ký ,họ tên)

Biểu 3.3:

Công ty CP Thương Mại Hải Việt

Mẫu số S17-DNN
(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ - BTC
ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CHI TIẾT BÁN HÀNG
Tên sản phẩm :dầu vụn thỏ 1 lít

Năm.2013

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Doanh thu			Các khoản tính trừ	
	Số hiệu	Ngày tháng			Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Thuế	Khác (5212, 5231)
A	B	C	D	E	1	2	3=1x2	4	5
								
15/12	HĐ0009525	15/12	Bán cho cty Hoa Lan	111	100	30.000	3.000.000		
								
			Cộng số phát sinh - Doanh thu thuần - Giá vốn hàng bán - Lãi gộp						

- Sổ này cótrang, đánh từ trang 01 đến trang.....
- Ngày mở sổ:

Người ghi sổ
(Ký ,họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm.2013
Kế toán trưởng
(Ký ,họ tên)

Khi hạch toán giá vốn hàng bán, kế toán nên hạch toán chi tiết giá vốn của hàng hóa bán ra vì thông qua doanh thu và giá vốn chi tiết, ta có thể xác định được lãi gộp của từng mặt hàng. Đồng thời có hạch toán chi tiết giá vốn của từng loại mặt hàng bán ra thì doanh nghiệp mới kiểm tra được kết quả từ khâu nhập hàng hóa đến khâu tiêu thụ hàng hóa như thế nào để từ đó vạch ra các kế hoạch tiết kiệm chi phí mà vẫn đạt được hiệu quả, chất lượng hàng hóa tốt tạo sức cạnh tranh trên thị trường của công ty. Vì vậy công ty nên mở thêm sổ chi tiết theo dõi giá vốn hàng bán (**Biểu 3.4**)

Kế toán theo dõi chi phí quản lý kinh doanh của công ty bằng TK642- chi phí quản lý kinh doanh. Tài khoản này bao gồm rất nhiều yếu tố chi phí như: chi tiền lương, trích BHXH,... của nhân viên quản lý, chi phí mua đồ dùng văn phòng, các khoản phí, lệ phí, tiền điện, nước và các chi phí khác. Do đó công ty nên mở thêm sổ chi tiết tài khoản 642 – chi phí quản lý kinh doanh để chi tiết theo yếu tố chi phí (**Biểu 3.4**)

Ví dụ: Trong tháng 12 căn cứ vào phiếu xuất kho kế toán tiến hành ghi sổ chi tiết giá vốn hàng bán cho từng mặt hàng (**Biểu 3.5**)

Ví dụ: Trong tháng 12 căn cứ vào chứng từ, kế toán vào sổ chi tiết chi phí QLDN theo các nội dung chi phí (**Biểu 3.6**)

Biểu 3.4:

Công ty CP Thương Mại Hải Việt

Mẫu số S18-DNN

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ - BTC

ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH

(Dùng cho các TK 154, 631, 632, 642, 142, 242)

- Tài khoản - Tên phân xưởng

- Tên sản phẩm, dịch vụ

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Ghi nợ TK ...								
	Số hiệu	Ngày tháng			Tổng số tiền	Chia ra							
					
A	B	C	D	E	1	2	3	4	5	6	7	8	9
			- Số dư đầu kỳ										
			Số phát sinh trong kỳ										
												
			Cộng phát sinh										
			Ghi Có TK...										
			Số dư cuối kỳ										

- Sổ này cótrang, đánh từ trang 01 đến trang.....

- Ngày mở sổ:

Ngày 31 tháng 12 năm.2013

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

(Ký ,họ tên)

(Ký ,họ tên)

Biểu 3.5:

Công ty CP Thương Mại Hải Việt

Mẫu số S18-DNN

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ - BTC

ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH
(Dùng cho các TK 154, 631, 632, 642, 142, 242)
-Tài khoản 632
-Tên sản phẩm: dầu vụn thọ 1 lít

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Ghi nợ TK 632		
	Số hiệu	Ngày tháng			Tổng số tiền	Chia ra	
						Số lượng (chai)	Đơn giá(đồng)
A	B	C	D	E	1	2	3
			Số phát sinh trong kỳ				
15/12	PX 468	15/12	Xuất hàng theo HĐ 0009525	156	2.100.000	100	21.000
						
			Cộng phát sinh tháng 12				
			Ghi Có TK...				

- Sổ này cótrang, đánh từ trang 01 đến trang.....

- Ngày mở sổ:

Ngày 31 tháng 12 năm.2013

Người ghi sổ

(Ký ,họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký ,họ tên)

Biểu 3.6:

Công ty CP Thương Mại Hải Việt

Mẫu số S18-DNN
(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ - BTC
ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH
(Dùng cho các TK 154, 631, 632, 642, 142, 242)
- Tài khoản 6422

Chi phí quản lý doanh nghiệp

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK ứng	Ghi nợ TK 6422					
	Số hiệu	Ngày tháng			Tổng số tiền	Chia ra				
						CP nhân viên quản lý	CP vật liệu quản lý	CP khấu hao TSCĐ	CP Dịch vụ mua ngoài	Chi phí khác
A	B	C	D	E	1	2	3	4	5	6
			Số phát sinh trong kỳ							
18/12	PC 686	18/12	Mua văn phòng phẩm	111	1.536.000		1.536.000			
									
			Cộng phát sinh tháng 12							
			Ghi Có TK...							

- Sổ này cótrang, đánh từ trang 01 đến trang.....

Ngày 31 tháng 12 năm.2013

- Ngày mở sổ:

Người ghi sổ

(Ký ,họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký ,họ tên)

Mở sổ chi tiết bán hàng cho từng mặt hàng để theo dõi doanh thu. Giá vốn, lợi nhuận gộp của từng mặt hàng từ đó thấy được mặt hàng nào tiêu thụ mạnh, mặt hàng nào tiêu thụ chậm, giúp nhà quản trị có được những quyết định kinh doanh đúng đắn.

3.4.2.3 Hoàn thiện việc trích lập dự phòng phải thu khó đòi.

Căn cứ khoản 2 Điều 3 và khoản 1, 2, 3 Điều 6 Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7/12/2009 của Bộ Tài Chính hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hoá, công trình xây lắp tại doanh nghiệp quy định nguyên tắc chung, trích lập và sử dụng khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi:

“ Thời điểm lập và hoàn nhập các khoản dự phòng là thời điểm cuối kỳ kế toán năm. Trường hợp doanh nghiệp được Bộ Tài chính chấp thuận áp dụng năm tài chính khác với năm dương lịch (bắt đầu từ ngày 1/1 và kết thúc 31/12 hàng năm) thì thời điểm lập và hoàn nhập các khoản dự phòng là ngày cuối cùng của năm tài chính ”.

1. Điều kiện: là các khoản nợ phải thu khó đòi đảm bảo các điều kiện sau:

- Khoản nợ phải có chứng từ gốc, có đối chiếu xác nhận của khách nợ về số tiền còn nợ, bao gồm: hợp đồng kinh tế, kế ước vay nợ, bản thanh lý hợp đồng, cam kết nợ, đối chiếu công nợ và các chứng từ khác.

Các khoản không đủ căn cứ xác định là nợ phải thu theo quy định này phải xử lý như một khoản tổn thất.

- Có đủ căn cứ xác định là khoản nợ phải thu khó đòi:

+ Nợ phải thu đã quá hạn thanh toán ghi trên hợp đồng kinh tế, các kế ước vay nợ hoặc các cam kết nợ khác.

+ Nợ phải thu chưa đến thời hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế (các công ty, doanh nghiệp tư nhân, hợp tác xã, tổ chức tín dụng ...) đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử, đang thi hành án hoặc đã chết.

2. Phương pháp lập dự phòng:

Doanh nghiệp phải dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra hoặc tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ và tiến hành lập dự phòng cho từng khoản nợ phải thu khó đòi, kèm theo các chứng cứ chứng minh các khoản nợ khó đòi nói trên. Trong đó:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán, mức trích lập dự phòng như sau:

+ 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.

+ 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.

+ 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.

+ 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu từ 3 năm trở lên.

- Đối với nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử hoặc đang thi hành án hoặc đã chết ... thì doanh nghiệp dự kiến mức tổn thất không thu hồi được để trích lập dự phòng.

- Sau khi lập dự phòng cho từng khoản nợ phải thu khó đòi, doanh nghiệp tổng hợp toàn bộ khoản dự phòng các khoản nợ vào bảng kê chi tiết để làm căn cứ hạch toán vào chi phí quản lý của doanh nghiệp.

Theo quyết định số 48/2006/QĐ – BTC các khoản nợ phải thu khó đòi hạch toán vào tài khoản 159” Các khoản dự phòng”

Phương pháp hạch toán kế toán tài khoản 1592 “Dự phòng phải thu khó đòi”

Cuối kỳ kế toán hoặc cuối kỳ kế toán giữa niên độ (đối với doanh nghiệp có lập báo cáo tài chính giữa niên độ), doanh nghiệp căn cứ các khoản nợ phải thu được xác định là không chắc chắn thu được (Nợ phải thu khó đòi), kế toán tính, xác định số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần trích lập hoặc hoàn nhập. Nếu số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần trích lập ở kỳ kế toán này lớn hơn số dự phòng nợ phải thu khó đòi đã trích lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết, thì số chênh lệch lớn hơn được hạch toán vào chi phí, ghi:

Nợ TK 6422- Chi phí quản lý doanh nghiệp

Có TK 1592 - Dự phòng phải thu khó đòi.

Nếu số dự phòng phải thu khó đòi cần trích lập ở kỳ kế toán này nhỏ hơn số dự phòng phải thu khó đòi đã trích lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết, thì số chênh lệch được hoàn nhập ghi giảm chi phí, ghi:

Nợ TK 1592 - Dự phòng phải thu khó đòi

Có TK 6422 - Chi phí quản lý doanh nghiệp

Các khoản nợ phải thu khó đòi khi xác định thực sự là không đòi được được phép xoá nợ. Việc xoá nợ các khoản nợ phải thu khó đòi phải theo chính sách tài chính hiện hành. Căn cứ vào quyết định xoá nợ về các khoản nợ phải thu khó đòi, ghi:

Nợ TK 1592 - Dự phòng phải thu khó đòi

Nợ TK 6422 - Chi phí quản lý doanh nghiệp

Có TK 131- Phải thu của khách hàng

Có TK 138 - Phải thu khác.

Đồng thời ghi vào bên Nợ TK 004 “Nợ khó đòi đã xử lý” (Tài khoản ngoài Bảng Cân đối kế toán).

Đối với những khoản nợ phải thu khó đòi đã được xử lý xoá nợ, nếu sau đó lại thu hồi được nợ, kế toán căn cứ vào giá trị thực tế của khoản nợ đã thu hồi được, ghi:

Nợ các TK 111, 112,.. .

Có TK 711 - Thu nhập khác.

Đồng thời ghi vào bên Có TK 004 “Nợ khó đòi đã xử lý” (Tài khoản ngoài Bảng Cân đối kế toán).

Căn cứ Bảng kê công nợ (Biểu 3.1)

Kế toán lập Bảng kê trích lập dự phòng

CÔNG TY CP THƯƠNG MẠI HẢI VIỆT**BẢNG KÊ CÔNG NỢ**
(Tính đến 31/12/2013)

TT	Tên Công ty	Số tiền	Nợ chưa đến hạn	Nợ đến hạn	Nợ quá hạn	Ghi chú
1	Công ty CP Nam Việt	45.550.000	25.000.000	20.550.000		
2	Công ty TNHH Thành Đạt	18.968.355			18.968.355	9 tháng 15 ngày
3	Công ty Huy Phong	22.283.389			22.283.389	10 tháng 3 ngày
4	Công ty TNHH DV và TM An Đạt	64.765.500	25.640.500	39.125.000		
5	Ông Đặng Văn Vinh	6.428.654	6.428.654			
		
	Cộng	557.995.898	150.640.500	366.103.654	41.251.744	

Biểu 3.1

BẢNG KÊ CÁC KHOẢN NỢ PHẢI THU KHÓ ĐÒI CỦA CÔNG TY
(Tính đến 31/12/2013)

STT	Tên Công ty	Số tiền	Thời gian quá hạn thanh toán	Tỷ lệ trích lập	Số cần lập dự phòng
1	Công ty TNHH Thành Đạt	18.968.355	9 tháng 15 ngày	30%	5.690.507
2	Công ty Huy Phong	22.283.389	10 tháng 3 ngày	30%	6.685.017
	Cộng	41.251.744			12.375.524

Kế toán định khoản nợ phải thu khó đòi

Nợ TK 6422: 12.375.524

Có TK 1592: 12.375.524

Đồng thời, kế toán tiến hành lập phiếu kế toán và ghi vào sổ Nhật ký chung và sổ cái tài khoản 642, sổ cái tài khoản 159

3.2.4.4: Về một số giải pháp khác

❖ Cần có các quy định cụ thể trong việc thanh toán như áp dụng chặt chẽ thanh toán thưởng phạt nghiêm minh, từ mềm mỏng đến cứng rắn để thu hồi nợ. Các biện pháp phải đảm bảo hai nguyên tắc: lợi ích của công ty không bị xâm phạm, đồng thời không bị mất đi bạn hàng.

Công ty nên áp dụng “chiết khấu thanh toán” cho khách hàng thường xuyên có uy tín, thanh toán luôn đúng và trước hạn...Còn đối với việc trả chậm sau hạn có thể tính lãi hay áp dụng các biện pháp xử phạt ... có như vậy công ty mới nhanh chóng thu hồi được vốn và nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh

❖ Chiết khấu thương mại Chiết khấu thương mại là khoản tiền mà doanh nghiệp đã giảm trừ do người mua hàng với khối lượng lớn theo thỏa thuận về chiết khấu thương mại đã ghi trên hợp đồng kinh tế, hợp đồng mua bán hoặc các cam kết mua bán hàng. Công ty nên áp dụng chính sách chiết khấu thương mại. Nhằm thúc đẩy việc cung cấp dịch vụ, thu hút thêm nhiều khách hàng. Chính sách chiết khấu

thương mại của công ty có thể thực hiện theo cáchh sau:

- Công ty có thể tham khảo chính sách chiết khấu thương mại của doanh nghiệp cùng ngành
- Chính sách chiết khấu thương mại được xây dựng dựa theo chiến lược kinh doanh từng thời kỳ của doanh nghiệp

❖ Doanh nghiệp tạo điều kiện cho nhân viên phát huy hiệu quả việc ứng dụng tin học trong công tác kế toán bằng các biện pháp như tổ chức các buổi trao đổi kinh nghiệm về máy tính để nhân viên có thể trao đổi, học hỏi nhau.

Đưa nhân viên có năng lực nhạy bén đi học các lớp đạo tạo nâng cao trình độ chuyên môn của mình.

KẾT LUẬN

Có thể nói rằng, trong nền kinh tế thị trường hiện nay thực hiện chế độ hạch toán kinh tế theo cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước đòi hỏi các doanh nghiệp một mặt phải tự trang trải được các chi phí, mặt khác phải thu được lợi nhuận, đảm bảo sự tồn tại và phát triển của doanh nghiệp. Mục tiêu đó chỉ có thể đạt được trên cơ sở quản lý chặt chẽ các loại tài sản, vật tư, chi phí, quản lý chặt chẽ quá trình tiêu thụ và xác định kết quả kinh doanh của doanh nghiệp.

Trong khuôn khổ chuyên đề em nghiên cứu này, với kiến thức đã học trong nhà trường kết hợp với thời gian thực tập và tìm hiểu thực tế tại Công ty cổ phần thương mại Hải Việt, được sự giúp đỡ của cán bộ phòng kế toán, các cô chú trong Công ty cùng với sự hướng dẫn của **Ths.Nguyễn Thị Mai Linh**. Với sự nhìn nhận còn nhiều hạn chế của một sinh viên em đã tìm hiểu về kế toán xác định kết quả hoạt động kinh doanh tại Công ty. Trên cơ sở các chế độ kế toán hiện hành kết hợp với thực tế tại Công ty em đã đề xuất một số biện pháp với mong muốn hoàn thiện hơn nữa công tác kế toán và góp phần nâng cao hiệu quả kinh doanh của công ty.

Mọi ý kiến em đưa ra đều dựa trên cơ sở thực tế tại Công ty và nội dung chế độ tài chính kế toán ban hành. Tuy nhiên, do trình độ còn hạn chế, kiến thức thực tế còn ít cũng như thời gian thực tập chưa nhiều nên chuyên đề của em không tránh khỏi những thiếu sót. Em rất mong nhận được sự đóng góp của thầy cô cũng như các cô chú trong phòng kế toán trong Công ty để chuyên đề của em được hoàn thiện hơn.

Một lần nữa, em xin chân thành cảm ơn sự hướng dẫn tận tình của giảng viên **Ths.Nguyễn Thị Mai Linh**, cùng các cán bộ phòng kế toán của Công ty cổ phần thương mại Hải Việt đã giúp em hoàn thành chuyên đề này.

Em xin chân thành cảm ơn!

Hải Phòng ngàytháng.....năm

Sinh viên

Vũ Hải Chúc

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Chế độ kế toán doanh nghiệp (*Ban hành theo quyết định số 48/2006/QĐ-BTC ngày 14 tháng 9 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ tài chính*)
2. Hệ thống chuẩn mực kế toán Việt Nam
3. Các chứng từ, sổ sách, mẫu sổ kế toán năm 2011 tại Công ty cổ phần Thương Mại Hải Việt
4. Kế toán doanh nghiệp – *Chủ biên PGS.TS Nguyễn Văn Công*
5. Chuẩn mực kế toán Việt Nam – *website: www.google.com
Website: ketoanvietnam.com*
6. Một số khóa luận của các anh chị khóa trước